



BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

## **BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ MAY THỜI TRANG  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NĂM 2020**

*Nam Định, tháng 12 năm 2020*

## NỘI DUNG CHÍNH

### BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

<b>PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	1
2. Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo.....	1
2.1. Quá trình phát triển.....	1
2.2. Cơ cấu tổ chức:.....	2
2.3. Thực trạng đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng .....	2
3. Thông tin về Chương trình đào tạo.....	2
3.1. Giới thiệu chung về nghề May thời trang.....	2
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	3
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	3
3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học .....	3
<b>PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>6</b>
1. Tổng quan chung .....	6
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	6
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	6
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	6
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	6
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá .....	7
2. Tự đánh giá.....	7
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	7
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn .....	13
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.....	15
Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. ....	16
Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. ....	17
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo .....	18
Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.....	19
Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. ....	20

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. ....	21
Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.....	21
Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.....	22
Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.....	22
Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định .....	23
2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên .....	23
Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.....	25
Tiêu chuẩn 2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. ....	26
Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo theo quy định.....	27
Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.....	29
Tiêu chuẩn 5: Hàng năm cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.....	30
Tiêu chuẩn 6: 100% Nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.....	31
Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.....	33
Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.....	34
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	34
Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. ....	36
Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.....	37
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. ....	37
Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. ....	37
Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.....	38

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. ....	38
Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. ....	39
Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. ....	39
Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. ....	40
Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. ....	40
Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. ....	41
Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. ....	42
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện. ....	42
Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. ....	44
Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. ....	45
Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. ....	46
Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. ....	47
Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. ....	47
Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. ....	48
Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. ....	49
Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. ....	50
2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học. ....	50
Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. ....	51
Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. ....	53

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. ....	54
Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. ....	55
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng. ....	57
Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. ....	58
Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. ....	59
Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. ....	59
Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. ....	60
Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. ....	61
Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). ....	62
Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo. ....	62
Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. ....	63
<b>PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	<b>65</b>
<b>PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>66</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>67</b>
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo) .....	67
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	69
3. Bảng mã minh chứng.....	74

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

CĐCNNĐ:	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
CCVC:	Công chức, viên chức
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
HSSV:	Học sinh, sinh viên
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
LĐTBOXH:	Lao động Thương binh và Xã hội
TDTT:	Thể dục thể thao
XDCB:	Xây dựng cơ bản

# **PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1.1 Tên: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định

1.2. Địa chỉ trụ sở: xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

1.5. Năm thành lập: 1956

1.6. Thông tin liên hệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Số điện thoại: 0228 3849581

Email: [cnd@cnd.edu.vn](mailto:cnd@cnd.edu.vn)

Website: [www.cnd.edu.vn](http://www.cnd.edu.vn)

1.7. Thông tin liên hệ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp phụ trách công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng:

Họ tên: Nguyễn Duy Phần – Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

Số điện thoại: 0983 703 936

Email: [ndphan@cnd.edu.vn](mailto:ndphan@cnd.edu.vn)

## **2. Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị phụ trách chương trình đào tạo**

### **2. 1. Quá trình phát triển**

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang được thành lập từ tháng 7 năm 1991 khi trường mang tên Trường Kỹ nghệ thực hành.

Cùng với sự phát triển của Trường, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định được thành lập theo QĐ số: 48/QĐ-ĐCENNĐ ngày 29 tháng 4 năm 2005.

Số lượng cán bộ giáo viên trong khoa là 18, trong đó có 4 nam chiếm 22,2%, 14 nữ chiếm 77,8% (17 cán bộ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, 01 giáo vụ khoa)

Về trình độ chuyên môn: Về trình độ chuyên môn: 100% giáo viên có trình độ từ đại học trở lên. Trong đó có 8/18 giảng viên có trình độ Thạc sĩ chiếm 44%; 13/18 giảng viên có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Hàng năm khoa luôn có giảng viên tham gia các kỳ hội giảng cấp trường, cấp tỉnh, cấp quốc gia đạt nhiều thành tích cao, 100% GV đạt danh hiệu LĐT, ...Khoa đã có 1 nhà giáo được nhà nước phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú. Tập thể khoa nhiều năm được nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và nhiều giảng viên được nhận danh hiệu

chiến sỹ thi đua và bằng khen các cấp, nhiều **HSSV dự thi tay nghề giỏi các cấp đạt kết quả cao**

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang được Trường giao nhiệm vụ đào tạo 05 ngành, nghề trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Hiện tại khoa đang đào tạo các ngành, nghề: Trình độ Cao đẳng: Công nghệ May thời trang, May thời trang, Thiết kế thời trang; Trình độ Trung cấp: Công nghệ May và Thời trang, May công nghiệp. Tổng số lớp do khoa quản lý trong năm từ 30 ÷ 36 lớp. Toàn bộ các chương trình đào tạo được thiết kế và thực hiện theo mô hình đào tạo kép tỷ lệ thực hành từ 65 ÷ 70%; lý thuyết từ 30 ÷ 35%.

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang trực tiếp phụ trách, quản lý và tổ chức triển khai đào tạo thực hành, thí nghiệm tại 12 phòng thực hành cho cả khoa bao gồm nhà 02 tầng của khoa và một vài phòng khu lý thuyết làm thành phòng tạo mẫu, thực hành cho khoa.

## **2.2. Cơ cấu tổ chức:**

- Tổng số cán bộ, giảng viên: 18
- Trưởng khoa: 01
- Phó trưởng khoa: 01
- Đoàn thể: 02
  - + Công đoàn
  - + Đoàn thanh niên

## **2.3. Thực trạng đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng**

### ***Kết quả tuyển sinh các năm:***

- Năm 2018: 89 sinh viên
- Năm 2019: 37 sinh viên
- Năm 2020: 32 sinh viên

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của các trường cao đẳng các tỉnh phía bắc gặp nhiều khó khăn, hầu hết các trường không tuyển đủ chỉ tiêu.

### ***Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp***

- Tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi ra trường tổng thể toàn trường là 85%
- Tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi ra trường đối với nghề May thời trang là 98,6%

## **3. Thông tin về Chương trình đào tạo**

### **3.1. Giới thiệu chung về nghề May thời trang**

May thời trang trình độ cao đẳng là nghề mà người hành nghề thực hiện các công việc tư vấn, thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm thời trang từ đơn giản đến phức tạp: áo sơ mi, quần âu, váy, áo Jacket, áo dài, áo Veston...

Người hành nghề May thời trang làm việc tại các vị trí: thiết kế, giác mẫu, may mẫu, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra giám sát, kiểm soát chất lượng, quản lý điều hành và trực tiếp tham gia các công đoạn sản xuất tại các cửa hàng may đo thời trang, các công



ty, doanh nghiệp may công nghiệp... đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề May thời trang phải có sức khoẻ tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức về chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng được vị trí công việc.

### 3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Trực tiếp thực hiện các công việc tại cửa hàng may đo thời trang hoặc trên dây chuyền sản xuất .

- Đảm nhiệm được những vị trí kỹ thuật: kỹ thuật chuyên, thiết kế mẫu, nháy mẫu, may mẫu, giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, lập kế hoạch sản xuất, phương án giá thành sản phẩm...

- Các vị trí về quản lý chất lượng: KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm); QC (Quality Control); QA (Quality Assurance).

- Quản lý kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng kỹ thuật.

### 3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới thuộc chuyên môn ngành, nghề đào tạo.

- Học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề; nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

### 3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

Phân bổ thời gian khóa học

Năm học	LT, TH	Thi		Nghỉ hè, lễ, tết	Khai giảng, bế giảng	LD, Dự phòng	Tổng số
		Học kỳ	Tốt nghiệp				
I	34	6		8	1	3	52
II	36	6		8		2	52
III	36	6	5	4	1	0	52
<b>Tổng số</b>	<b>106</b>	<b>18</b>	<b>5</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>156</b>

Danh mục và thời lượng các môn học/mô đun

T	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Thi, kiểm tra
<b>I. Các môn học chung</b>			<b>17</b>	<b>330</b>	<b>148</b>	<b>165</b>	<b>17</b>

T T	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Thi, kiểm tra
<i>(Không tính GDTC:4TC; GDQP: 5TC)</i>							
1	C610010110	Chính trị	5	75	41	29	5
2	C610040110	Pháp luật	2	30	22	6	2
3	C614010110	Tin học	3	75	15	58	2
4	C611010011	Tiếng anh	5	120	42	72	6
5	C616030110	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
<b>II. Các môn học, mô đun chuyên môn</b>			<b>108</b>	<b>2970</b>	<b>573</b>	<b>2313</b>	<b>84</b>
<b>II.1. Môn học, mô đun cơ sở</b>			<b>14</b>	<b>225</b>	<b>198</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
6	C611010811	Anh văn chuyên ngành	2	45	30	13	2
7	C615010110	Môi trường và con người	2	30	28		2
8	C615010210	Vẽ kỹ thuật	2	30	28		2
9	C615010310	Vật liệu may	2	30	28		2
10	C615010510	Mỹ thuật trang phục	2	30	28		2
11	C615012111	Sáng tác mẫu thời trang	2	30	28		2
12	C615010610	Quản lý chất lượng SP may	2	30	28		2
<b>II.2. Môn học, mô đun chuyên môn</b>			<b>91</b>	<b>2685</b>	<b>345</b>	<b>2272</b>	<b>68</b>
13	C615010411	Thiết bị may và an toàn lao động	4	105	15	86	4
14	C615010711	Thiết kế áo sơ mi, Jacket	4	90	30	56	4
15	C615010811	Thiết kế quần âu, váy	2	45	15	28	2
16	C615010911	Thiết kế áo dài, veston	3	75	15	57	3
17	C615011011	Các đường may cơ bản	3	75	15	57	3
18	C615011111	May BPCY áo sơ mi	4	105	15	86	4
19	C615011211	May BPCY quần âu	4	105	15	86	4
20	C615011311	May BPCY Jacket	4	105	15	86	4
21	C615011411	May áo sơ mi thời trang	5	135	15	115	5
22	C615011511	May quần âu, váy thời trang	5	135	15	115	5
23	C615011611	May Jacket thời trang	5	135	15	115	5

T T	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Thi, kiểm tra
24	C615011711	Máy áo veston thời trang	5	135	15	115	5
25	C615011811	Thiết kế mẫu CN	3	75	15	57	3
26	C615011911	Thiết kế GSD trên máy tính	3	75	15	57	3
27	C615012011	CNSX may thời trang	4	75	45	26	4
28	C615012811	Cắt may quần áo thời trang	4	90	30	56	4
29	C615012911	Thiết kế TT trên Ma-nơ-canh	3	75	15	57	3
30	C615012611	Tổ chức quản lý và SX may CN	3	60	30	27	3
31	C615012211	Thực tập sản xuất 1	6	270		270	
32	C615012311	Thực tập sản xuất 2	6	270		270	
33	C615012411	Thực tập nghề nghiệp	5	180		180	
34	C615012511	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	
<b>II.3. Môn học, mô đun tự chọn</b>			<b>3</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>2</b>
35	C615013001	Công nghệ là	3	60	30	28	2
36	C615013101	Máy thời trang dạ hội	3	60	30	28	2
37	C615013201	Máy áo dài thời trang	3	60	30	28	2
<b>Cộng:</b>			<b>125</b>	<b>3300</b>	<b>721</b>	<b>2478</b>	<b>101</b>

## **PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tổng quan chung**

#### **1.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự kiểm định: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.
- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

#### **1.2. Mục đích tự đánh giá**

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo trong từng giai đoạn và làm cơ sở báo cáo hàng năm Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

Là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

#### **1.3. Yêu cầu tự đánh giá**

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

#### **1.4. Phương pháp tự đánh giá**

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng áp dụng đối với trường Trung cấp, Cao đẳng theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Công văn 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, rà soát các hoạt động của Khoa chuyên môn, Sinh viên nghề may Thời trang, phòng chức năng liên quan và chọn lọc những chứng cứ để chứng minh.
- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

### **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

- Xác định rõ mục tiêu tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là nghề may thời trang trình độ cao đẳng.
- Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng.
- Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng.
- Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng.
- Kiểm định mức độ mà chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh, bổ sung kết quả tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng.
- Công bố công khai kết quả tự kiểm định chương trình đào tạo nghề may TT trình độ Cao đẳng trong nội bộ trường.

## **2. Tự đánh giá**

### **2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
	<b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ LÀM ĐƯỢC</b>		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.		2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.		2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		2
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.		2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.		2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.		2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.		2
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>14</b>

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.		2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.		2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.		0
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.		2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.		2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.		2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		2
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>24</b>
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.		2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.		2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.		2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.		2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.		2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.		2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.		2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		2
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.		2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.		2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.		2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		2



<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.		2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.		2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.		0
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.		2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.		2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.		2
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN</b>
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.		2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		2
<b>Tổng điểm tự đánh giá:</b>		<b>100</b>	<b>96</b>

## **2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

### **2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:**

##### **Mở đầu:**

Mục tiêu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đồng thời giải quyết triệt để việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Học sinh, sinh viên được trang bị năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp. HS-SV có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu và phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Nam Định và khu vực Đồng bằng Nam Sông Hồng. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó tập trung thực hiện kế hoạch trong giai đoạn hiện nay như sau:

1) Đào tạo các ngành/ngành trọng điểm đạt trình độ khu vực Đông Nam Á và quốc tế

2) Phát triển hệ thống cơ sở vật chất đạt trường Chất lượng cao bao gồm: giảng đường lý thuyết, phòng học thực hành - thí nghiệm, thiết bị dạy học, kí túc xá, các cơ sở văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí...

3) Chuẩn hóa độ ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn trường chất lượng cao và đáp ứng hội nhập quốc tế. Yêu cầu giáo viên và cán bộ quản lý có chuyên môn sâu, kiến thức tốt, giỏi ngoại ngữ, tin học và các kĩ năng nghề nghiệp

4) Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ, đưa nhà trường trở thành trung tâm nghiên cứu - ứng dụng và chuyển giao công nghệ, có đủ năng lực tiếp cận công nghệ tiên tiến.

5) Tăng cường hợp tác quốc tế, hướng tới tiếp cận các tiêu chuẩn đào tạo khu vực ASEAN và quốc tế

6) Cam kết đảm bảo chất lượng đầu ra, giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt 100%

Công tác quản lý và tài chính của Trường thực hiện theo các quy định về cơ chế tự chủ tài chính đối với các trường cao đẳng công lập như: Luật Giáo dục; Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục ; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục Nghề nghiệp . Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH quy định về Điều lệ trường cao đẳng. Trên cơ sở đó Trường xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Công Nghiệp Nam Định .

Trường luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý tài chính, cân đối các nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp, các nguồn thu hợp pháp từ đào tạo, nguồn thu khác để đáp ứng được nhu cầu kinh phí cho hoạt động chung, hoạt động sự nghiệp của Trường

*\* Những điểm mạnh:*

Trường có đủ các Quyết định thành lập Trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, có văn bản qui định việc rà soát, điều chỉnh; định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Cơ cấu và danh mục nghề đào tạo của Trường đã cơ bản đáp ứng với tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh Nam Định và cả nước và được Trường công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Trường.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường; tổ chức Đảng, các Đoàn thể trong Trường luôn phát huy được sức mạnh

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích, hỗ trợ bằng nhiều hình thức cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Ngoài ra, việc nắm bắt và quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được Trường chú trọng qua việc duy trì hoạt động của Đảng bộ hàng tháng, phát huy vai trò của các đoàn thể đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

*\* Những tồn tại:*

Mục tiêu tổng quát của Nhà trường thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp song, các mục tiêu cụ thể cho năm học đối với từng đơn vị trong Trường chưa sát với tình hình thực tiễn.

Bộ máy tổ chức trong Trường còn công kênh, trong công tác quản lý còn có sự chông chéo giữa các đơn vị, một vài đơn vị chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ.

Công tác tài chính còn gặp nhiều khó khăn do nguồn ngân sách Nhà nước cấp có hạn, các hoạt động dịch vụ chưa phát huy hết hiệu quả.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng năm trên cơ sở mục tiêu của Nhà trường, các đơn vị xây dựng mục tiêu và kế hoạch cụ thể của đơn vị mình, thường xuyên rà soát, đánh giá tạo bước chuyển biến mạnh mẽ đối với giáo dục và đào tạo trong Nhà trường theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Phát triển các khoa, trung tâm cân đối về cơ cấu và quy mô, đa dạng về hình thức đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của các lực lượng lao động tại doanh nghiệp.

Tập trung quy hoạch, sắp xếp lại các đơn vị một cách hợp lý; đảm bảo tốt các điều kiện dạy học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực Đồng bằng Nam Sông Hồng, góp phần đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tăng cường công tác tuyển sinh các loại hình đào tạo để mở rộng quy mô tăng nguồn thu từ học phí. Tập trung khai thác các dịch vụ trong trường: dịch vụ đào tạo, dịch vụ sản xuất... để tăng nguồn thu hợp pháp, từ đó công tác tài chính được cải thiện tạo điều kiện đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy, học và các hoạt động khác trong Nhà trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1:**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>6</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

**Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề May thời trang của Trường được xây dựng bám sát theo: Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về danh mục nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng [1.1.01]

Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ Sứ mệnh và Tầm nhìn của Trường nên mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường [1.1.02] . Ngoài ra, mục tiêu chương trình đào tạo còn được cụ thể hoá thành các Chuẩn đầu ra [1.1.03]; được khảo sát lấy ý kiến rộng rãi trên 4 đối tượng liên quan là các giảng viên chuyên môn, doanh nghiệp cùng lĩnh vực, sinh viên đang theo học và cựu sinh viên đã ra trường và đang làm việc tại các doanh nghiệp.

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và khu vực, Nhà trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực để điều chỉnh nội dung cho phù hợp. Do vậy, mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và cả nguyện vọng của chính bản thân người học vì vậy các doanh nghiệp luôn sẵn sàng đón

nhận HSSV thực tập và nhận vào làm việc sau khi tốt nghiệp [1.1.04]. Sau khi hoàn chỉnh, các chuẩn đầu ra được Hiệu trưởng quyết định ban hành và công bố rộng rãi trên Website Nhà trường.

Việc rà soát các chương trình đào tạo các ngành/nghề nói chung và chương trình đào tạo nghề May thời trang nói riêng được nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định theo đúng nội dung, biểu mẫu quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng [1.1.05]. Do vậy mỗi Chương trình đào tạo của Trường đều thể hiện được mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ. Định kỳ, 3 năm 1 lần, Khoa sẽ thực hiện khảo sát và điều chỉnh lại chuẩn đầu ra cho phù hợp [1.1.01]; [1.1.06]; [1.1.08]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã có quyết định quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường. Trong các chức năng, nhiệm vụ khoa Công nghệ may và Thời trang là đơn vị thực hiện chức năng xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường [1.2.01]; [1.2.02].

Ngoài ra, Trường cũng xây dựng các văn bản ban hành kế hoạch đào tạo trong suốt quá trình triển khai đối với Khoa Công nghệ may và Thời trang [1.2.03]; [1.2.04]. Dựa trên kế hoạch đào tạo, Khoa tiến hành triển khai quá trình đào tạo cho từng ngành, phân công nhiệm vụ chuyên môn cho giảng viên, nhân viên trong Khoa [1.2.05]. Trong quá trình thực hiện, mọi hoạt động giảng dạy đều được lưu vết (Số lên lớp của giảng viên) và được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy [1.2.06]. Sau mỗi năm học, Khoa Công nghệ May và Thời trang phải tổng kết hoạt động của đơn vị mình [1.2.07]. Hàng năm, Khoa Công nghệ May và Thời trang đều thực hiện báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện trong năm, rút kinh nghiệm những việc chưa làm được, khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện xuất sắc công việc được giao cũng như phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo. Trong nhiều năm liền Khoa Công nghệ May và thời trang luôn đạt danh hiệu đơn vị lao động tiên tiến, hai năm học 2018 - 2019 và năm học 2019 - 2020 đạt tập thể lao động xuất sắc [1.2.08].

Tiếp tục phát huy những thế mạnh của Trường trong quá trình triển khai đào tạo, đồng thời nên xây dựng một bộ quy tắc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng

viên, nhân viên, các Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm trong toàn trường một cách tường minh dựa trên các tiêu chí có thể chấm điểm [1.2.9].

Như vậy, Khoa Công nghệ May và Thời trang được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường [1.2.10].

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường CĐCNĐ là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Bộ Công Thương. Hàng năm, nhà trường hoạt động dựa trên các nguồn thu hợp pháp sau:

- Ngân sách Nhà nước cấp.
- Nguồn thu từ NCKH.
- Nguồn thu từ các nhiệm vụ khác được giao.
- Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, sự nghiệp khác)
- Nguồn thu từ hoạt động các hoạt động dịch vụ
- Các nguồn thu hợp pháp khác

Hàng năm Căn cứ vào Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường, công tác kế hoạch tài chính được xây dựng chi tiết, khoa học trên cơ sở các nguồn thu sự nghiệp, dự kiến nguồn thu do ngân sách cấp từ đó kiểm soát nội dung chi sát thực tế với nhu cầu của trường với phương châm tiết kiệm, không gây ra thất thoát lãng phí [1.3.01].

Công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản, công tác báo cáo, nộp thanh quyết toán của trường hàng năm được thực hiện đúng quy định. Kết quả qua thẩm tra, xét duyệt quyết toán được cơ quan chủ quản đánh giá công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản của trường đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành [1.3.02].

Căn cứ vào chương trình đào tạo từng ngành, nghề; Căn cứ vào số lượng lớp học, số HSSV các khoa tiến hành lập dự toán kinh phí mua vật tư thực tập, mua sắm, sửa chữa thiết bị - máy móc phục vụ cho đào tạo và các hoạt động khác...Hàng tháng có kế hoạch cụ thể [1.3.03]. Nói chung, kinh phí Nhà trường luôn ưu tiên đáp ứng đầy đủ để thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

Với khả năng khai thác hợp lý khoa học nguồn tài chính, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu các chương trình đào tạo, đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn kinh phí chi cho con người, ưu tiên đầu tư những trang thiết bị cần thiết, đó là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [1.3.04]; [1.3.05].

Bên cạnh đó, trường đã thực hiện tiết kiệm để trích lập vào các quỹ trong đó chú trọng phần lớn vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm phát triển nguồn lực con người và tái đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài của trường. Vì vậy,

trình độ cán bộ, giảng viên của nhà trường không ngừng được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo [1.3.06]. Cơ sở vật chất của nhà trường hàng năm cũng được bổ sung, đảm bảo trong công tác thực hiện dự án phát triển mở rộng trường giai đoạn 2005-2020 đáp ứng công tác giảng dạy và học tập trong điều kiện của trường.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm***

### **2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

##### ***Mở đầu:***

Hoạt động đào tạo là một trong những yếu tố đóng vai trò thiết yếu, góp phần phát triển nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của trường. Hiện nay, các hoạt động đào tạo của Khoa Công nghệ may và Thời trang được tổ chức theo quy trình và học phát huy tính tích cực của sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và thị trường lao động. Phương pháp giảng dạy của các giáo viên ngày càng được đa dạng, tiếp cận được với các phương pháp giảng dạy tiên tiến và được định kỳ đánh giá hiệu quả thông qua đánh giá của Khoa và trình độ của sinh viên, từ đó rút kinh nghiệm để cải tiến và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp.

##### ***\* Những điểm mạnh***

Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Trường đã có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, cụ thể hóa quy định tuyển sinh tại Thông tư hàng năm. Đồng thời, nhà trường thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học, khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với các công ty, các doanh nghiệp sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện và năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch, có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn



vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

*\* Những tồn tại*

Việc tổ chức cho giáo viên tham quan, học tập, cập nhật kiến thức công nghệ mới chưa được tổ chức thường xuyên do vậy khả năng sáng tạo, tính thuyết phục trong các tiết giảng đôi lúc còn hạn chế.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo với các công ty, các doanh nghiệp sử dụng lao động để nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giáo viên và sinh viên; tổ chức các lớp bồi dưỡng và các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho cán bộ, giáo viên.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 2</b>	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

**Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác tuyển sinh là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Trong những năm qua trường đã thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH [2.1.01]

Hàng năm, cơ sở đào tạo đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh [2.1.02], xây dựng kế hoạch tuyển sinh [2.1.03]. Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành nghề được thông tin minh bạch trên các thông báo tuyển sinh [2.1.04]; [2.1.05]; [2.1.06]

Đề công tác tuyển sinh đạt kết quả cao trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định [2.1.07]; [2.1.11]; Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh [2.1.08]; Ban Cơ sở vật chất phục vụ tuyển sinh [2.1.09]; Ban phúc tra tuyển sinh [2.1.10]. Hình thức xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh mỗi bậc đào tạo được công bố trên cuốn “*Những điều cần biết về tuyển sinh*”, trên các thông tin quảng cáo về tuyển sinh của trường cũng như trên đài phát thanh, truyền hình, các tờ quảng cáo.

Kết quả xét tuyển, phương án xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển được thông báo công khai tại trường, báo cáo các cơ quan quản lý trường như Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, sở LĐTBXH, sở GD&ĐT tỉnh Nam Định [2.1.12]; [2.1.13]

Căn cứ vào kết quả tuyển sinh nhà trường đã thực hiện ra các quyết định thành lập lớp [2.1.14]; [2.1.15]; [2.1.16]

Phòng QLKH & ĐBCL là một phòng chức năng có bộ phận thanh tra giáo dục để kiểm tra công tác đào tạo hàng năm thông qua các kế hoạch thanh kiểm tra công tác chuyên môn [2.1.17]

Kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh Nhà trường đều thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh gửi trình đơn vị chủ quản [2.1.18]; [2.1.19]

Từ năm 2017 trở lại đây công tác tuyển sinh hệ Cao đẳng chính quy của trường sụt giảm do nhiều nguyên nhân (chủ yếu là nguyên nhân khách quan) mà công tác tuyển sinh chưa đạt được theo chỉ tiêu được giao. Một số ngành nghề đào tạo khó tuyển sinh do người học đăng ký không nhiều.

Trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học về công tác tuyển sinh phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm***

#### **Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.**

##### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, cơ sở đào tạo đã tổ chức các quy trình đào tạo, thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy [2.2.01].

Cơ sở đào tạo đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Sau khi kết thúc năm học cơ sở đào tạo đã thực hiện Báo cáo tổng kết năm học và đưa ra phương hướng nhiệm vụ năm học mới [2.2.03]; [2.2.04]

Trong những năm gần đây, tình hình tuyển sinh có nhiều khó khăn, Trường phải phối hợp với các Trung tâm GDNN - GDTX để tổ chức tuyển sinh và đào tạo trung cấp (đối tượng tốt nghiệp THCS). Do đặc thù giảng dạy ở các đơn vị khác nhau nên việc bố trí lịch giảng dạy, xây dựng kế hoạch đào tạo không chủ động

Trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn với các Trung tâm GDNN - GDTX, phòng chức năng phối hợp cùng các Khoa chuyên môn trong Trường để xây dựng kế hoạch,

tiến độ và thời khóa biểu phù hợp, không bị chổng chéo lịch giảng dạy, đồng thời thực hiện tổ chức theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Kế hoạch giảng dạy của nghề may thời trang được xây dựng ngay từ khi có kế hoạch tuyển sinh được cụ thể hóa theo học kỳ, năm học và toàn khóa học. Trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của toàn Trường Khoa Công nghệ May xây dựng kế hoạch của đơn vị và mỗi giảng viên. Trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc được giao: số tiết giảng dạy, NCKH, các hoạt động sự phạm khác. Kế hoạch giảng dạy của toàn Trường, của Khoa đều được thông qua và phê duyệt trước khi thực hiện [2.3.01]; [2.3.02]; [2.3.03]

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên và học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc. Hằng năm Giám hiệu chỉ đạo hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường. Trường cũng đã cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn để nâng cao kỹ năng nghề, tiếp cận phương pháp dạy học mới trong dạy học phục vụ nhiệm vụ đào tạo [2.3.04].

Trong những năm gần đây, việc đổi mới phương pháp dạy và học thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học được trường hết sức quan tâm. Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, nhiều cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy trên 50% giáo án điện tử được giảng viên thực hiện khi lên lớp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện nền tảng để duy trì sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của mỗi doanh nghiệp, nhà trường và của cả nền kinh tế. Mỗi quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng như hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

Thời gian qua, nhà trường đã tích cực phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động nghề may thời trang [2.4.01]. Việc phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp May trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số thành công nhất định

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp. Khi đưa học sinh đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà trường đã thực hiện theo đúng kế hoạch đào tạo [2.4.02]; [2.4.03]

Đẩy mạnh việc hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp có thể giúp nhà trường tháo gỡ những khó khăn về tài chính, giúp các doanh nghiệp đạt được hoặc duy trì ưu thế cạnh tranh trong thị trường năng động ngày nay. Chính vì vậy, nhà trường luôn đảm bảo 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo [2.4.04]; [2.4.05]

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2:2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong các cơ sở đào tạo, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Nhà trường đã tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo đúng quy chế đào tạo [2.5.01]

Căn cứ kế hoạch đào tạo vào quy chế đào tạo, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp, xây dựng các quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp [2.5.02]; [2.5.03].

Hàng năm số liệu thống kê về số người tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp được nhà trường thông báo công khai và thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH [2.5.04]

Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên cập nhật các quy định mới của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2:2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học có vai trò rất to lớn đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả của kiểm tra, đánh giá là cơ sở để điều chỉnh hoạt động

dạy và học. Kiểm tra, đánh giá đúng thực tế, chính xác và khách quan sẽ giúp người học tự tin, hăng say, nâng cao năng lực sáng tạo trong học tập.

Trường đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đúng quy chế, nghiêm túc, chặt chẽ ở tất cả các khâu.

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học [2.6.01]; [2.6.02]. Sau mỗi đợt kiểm tra đều có biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; Báo cáo kết quả công tác thanh tra [2.6.03]; [2.6.04]

Đồng thời, thông qua báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, Nhà trường đã chỉ đạo cho Khoa Công nghệ May thực hiện điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp, đảm bảo chất lượng đào tạo là cao nhất có thể.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2:2 điểm***

### **Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong giai đoạn hiện nay, đào tạo liên thông đã mở ra triển vọng cho người học nghề, họ sẽ có cơ hội phát triển kiến thức và chuyên môn thông qua chương trình đào tạo. Trường đã tổ chức đào tạo liên thông theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng mã ngành cụ thể. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo liên thông theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng Quy chế tuyển sinh, thông báo tuyển sinh [2.7.01]; [2.7.02]; thực hiện các thủ tục tuyển sinh và thành lập lớp [2.7.03]; [2.7.04]; [2.7.05]

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy, đào tạo liên thông kịp thời và phù hợp.

Trên địa bàn khu vực trường đào tạo một số ngành nghề có nhu cầu nhưng số lượng nhỏ nên trường chưa thể đáp ứng đầy đủ được tất cả các nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên khu vực trường đóng.

Những năm gần đây số lượng tuyển sinh liên thông nghề may thời trang không nhiều và thường không đảm bảo chỉ tiêu đặt ra [2.7.06]

Trường tiếp tục cập nhật, tìm hiểu, khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, mở rộng quy mô tuyển sinh liên thông, mở thêm ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm***

### **2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

#### ***Mở đầu:***

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 – 2020. Nhà trường xác định nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng về

nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhằm xây dựng đội ngũ GDNN chuyên nghiệp, hiệu quả là vấn đề then chốt trong công tác đào tạo.

Triển khai Quyết định nêu trên, hàng năm nhà trường đã tiến hành thống kê, rà soát số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong toàn trường nói chung và khoa Công nghệ may thời trang nói riêng. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. Tổ chức thực hiện sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện tốt chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên. Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật và không vi phạm quy chế, và quy định của trường.

Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Khoa Công nghệ may thời trang hiện nay tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và ngày càng được, nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác đang đảm trách. Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn, đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sự tín nhiệm cao trong quần chúng và là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết với nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, nhà trường cũng có những chính sách, biện pháp khuyến khích giảng viên khoa Công nghệ may thời trang học tập và nâng cao trình độ; nghiên cứu, tìm kiếm nguồn tài trợ từ các dự án, cử giảng viên học tập bồi dưỡng tại các nước có trình độ tiên tiến như CHLB Đức; có kế hoạch cử giảng viên tham dự các cuộc thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia..., thực hiện đánh giá giảng viên thông qua việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của SVHS đối với mô đun, môn học, học phần.

#### *\* Những điểm mạnh*

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của khoa đều có trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội; có thâm niên, kinh nghiệm cao trong GDNN; thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ GD, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà trường

Thường xuyên tổ chức trao đổi chuyên môn trong vận dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, cập nhật kiến thức, biên soạn chỉnh sửa bổ sung nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp thực tiễn; tổ chức, hướng dẫn thực tập sản xuất lồng ghép với việc thực hiện các mô đun chuyên ngành nhằm tạo cơ hội HS-SV được nhận vào làm việc ngay trong thời gian thực tập tại các doanh nghiệp.

Nhà trường lập đã lập kế hoạch và tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên toàn trường nói chung và khoa Công nghệ may thời trang nói riêng tham gia khoá học ngoại ngữ văn bằng II tiên Anh ( trường ĐHNN Hà Nội), các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về tin học và ngoại ngữ, các lớp trung cấp,

cao cấp chính trị cho đội ngũ quản lý để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy ngày càng hiệu quả hơn.

*\* Những tồn tại*

Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên tuy dày dặn kinh nghiệm nhưng đang bị già hoá do chưa có tuyển dụng mới. Đồng thời cơ cấu đội ngũ GV ở một số lĩnh vực thời trang chưa hợp lý. Tỷ lệ HSSV/GV tại một số bộ môn còn mất cân đối. Công tác nghiên cứu khoa học trong GDNN của đội ngũ GV còn hạn chế

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Trên cơ sở nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN, quốc gia); Nhà trường đã xác định mục tiêu, kế hoạch đúng đắn:

- Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ cho đội ngũ GV, CB quản lý cho khoa Công nghệ may thời trang đặc biệt là đội ngũ GV giảng dạy nghề May thời trang
- Tiếp tục chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong GDNN theo chuẩn khu vực và quốc tế; tổ chức, quản lý đào tạo tiên tiến
- Bồi dưỡng chuẩn hóa cho nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN; dự thảo tiêu chuẩn người dạy tại các doanh nghiệp; xây dựng và triển khai chương trình chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực nghề May thời trang.

**Điểm đánh giá tiêu chí 3:**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

100% Giảng viên của khoa tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [3.1.01]. Trường thực hiện theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH,

thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT và đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng [3.1.02] và Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng 2006 - 2020 [3.1.03] trong đó có 01 tiến sĩ, 09 thạc sĩ, 09 đại học [ 3.1.04] Giảng viên của khoa được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo, đảm bảo trình độ đạt chuẩn theo quy định [3.1.05].

Ngoài việc tự học, tự bồi dưỡng hằng năm của từng giảng viên. Hàng năm, khoa tham mưu cho lãnh đạo trường có kế hoạch sắp xếp, bố trí giảng viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đội ngũ giảng viên của khoa có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, hằng năm nhiều giảng viên đạt giảng viên giỏi cấp trường, cấp tỉnh và cấp bộ. Đa số cán bộ giảng viên có khả năng sử dụng máy tính để thiết kế giáo án, bài giảng và phục vụ cho công tác chuyên môn.

Đội ngũ giảng viên của khoa cơ bản đạt chuẩn theo quy định, các giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo [3.1.06]. Giảng viên hằng năm được bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ và tin học có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Bên cạnh đó vẫn còn một số ít giảng viên hạn chế về trình độ tin học đặc biệt là kỹ năng thực hành, ứng dụng.

Từ năm học tới trường tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học và động viên khuyến khích giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu coi đây là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên. Đồng thời có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ kế cận là giảng viên trẻ đầy đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như trình độ tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ giảng viên của khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các Thông tư quy định chế độ việc làm của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐTBXH và điều lệ Trường Cao đẳng [3.2.01] và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [3.2.02]; [3.2.03].

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo, 100% giảng viên trong khoa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. Hiện nay, việc các trường cao đẳng được chuyển về thuộc sự quản lý nhà nước về giáo dục sang Bộ LĐTBXH cũng làm thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn của giảng viên, điều này không chỉ được thể hiện trong quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo. [3.2.04]; mà còn đặc biệt nhấn mạnh tại các mục dành riêng cho Giảng viên trong các Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, sửa đổi hàng năm của trường [3.2.05].

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của khoa Công nghệ may thời trang được bố trí giảng dạy, công tác theo chuyên môn và trình độ được đào tạo nhằm phát huy năng lực cá nhân, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.



Bên cạnh đó, khoa phối kế hợp với phòng Đào tạo căn cứ vào các quy định, quy chế hiện hành giao các nhiệm vụ giảng dạy học tập, nghiên cứu khoa học công khai, minh bạch từ đầu mỗi học kỳ ngay trong Kế hoạch giảng dạy [3.2.06]., giúp giảng viên có công tác chuẩn bị chu đáo, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Việc hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân còn được thể hiện rõ thông qua báo cáo công việc hàng tháng và được phòng Tổ chức Hành chính tổng hợp, báo cáo trong các cuộc họp giao ban. Hàng tháng hội đồng thi đua trường đều có đánh giá bình xét xếp loại lao động của CCVC nhà trường. [3.2.07] nói chung và của giảng viên khoa Công nghệ may thời trang nói riêng

Hiện nay 100% giáo viên trong khoa đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và các hạt động chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch. Điều này được thể hiện rõ qua Tổng hợp giờ [3.2.08] vào cuối mỗi học kỳ, năm học của phòng Đào tạo

Giảng viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác đánh giá, phân loại giáo viên, trên cơ sở kết quả dự giờ, giám sát đánh giá hoạt động giảng dạy do Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo & phòng Quản lý khoa học & Đảm bảo chất lượng thực hiện [3.2.09]. Nhà trường còn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên thông qua các phiếu khảo và thường xuyên nhận được những thông tin tích cực về giảng viên từ sinh viên [3.2.10] Hằng năm, công tác thi đua - khen thưởng và phân loại, đánh giá cán bộ, viên chức [3.2.07] được quan tâm, đây là yếu tố rất quan trọng để động viên, thúc đẩy cán bộ, giảng viên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong Nhà trường

Mọi cán bộ, giảng viên trong khoa đều được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chính sách quy định; được hưởng các chế độ nghỉ lễ, tết, hè, nghỉ sinh,... theo quy định của Nhà nước và của Trường [3.4.04]; [3.4.05]; [3.4.06]; [3.4.07]; [3.4.09]

Nhiều năm qua, Nhà trường đã xây dựng rõ Quy chế, quy định trong trường học, từ đó đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, giảng viên trong khoa Công nghệ may thời trang thực hiện đầy đủ nhiệm vụ mà nhà trường đã giao.

Tuy nhiên vẫn còn một số cán bộ, giảng viên do điều kiện, nhà xa, con nhỏ, công tác xa nhà thường xuyên vào cuối tuần nên việc chấp hành giờ giấc làm việc còn chưa tốt, đó cũng là một trong những tiêu chí đánh giá khen thưởng phân loại cán bộ, giảng viên chưa đạt mức xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu đội ngũ giảng viên, giáo viên cho khoa Công nghệ may thời trang theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ

[3.3.01] Thông tư số 07,08/2017 TTBLĐTĐBXH [3.3.02] và phù hợp điều kiện thực tế của Khoa.

Hiện nay số giảng viên cơ hữu của trường đang trực tiếp tham gia GD tại khoa là 18[3.3.03]

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ : 8 thạc sỹ, đạt 44,4%; 10 đại học, đạt 55,6%; 100% giảng viên có chứng chỉ sư phạm. [3.5.02] ; trong đó có 04 nam, 14 nữ

\* Trình độ lý luận chính trị

- Cao cấp lý luận chính trị có 01 cán bộ, chiếm 5,6%;
- Trung cấp chính trị hoặc tương đương có 01 giảng viên đang tham dự khoá học, chiếm 5,6%.

Đội ngũ giảng viên tương đối hợp lý về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định [3.3.04]. Khoa có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện các môn, chuyên ngành trong chương trình đào tạo nghề may thời trang. Tỷ lệ qui đổi sinh viên chính qui trên giảng viên cơ hữu là 13,7 sinh viên/1 giảng viên [3.3.05]. Các giảng viên không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có cơ cấu tương đối hợp lý cả về giới tính, thâm niên, tuổi đời, trình độ chuyên môn theo ngành, chuyên ngành đảm bảo đủ số lượng, tinh về chất lượng, vững chuyên môn, sát thực tế và có khả năng hoàn thành tốt nội dung chương trình đào tạo nghề May thời trang [3.5.06]; [3.5.07]; [3.5.08]. Đội ngũ giảng viên luôn tiếp cận kiến thức mới, sát thực tiễn, có sự kế thừa, là nguồn lực quan trọng để thực hiện tốt chương trình đào tạo và NCKH trong những năm qua và trong thời gian tới.

Với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, số lượng giảng viên có trình độ là Tiến sĩ và Thạc sĩ chiếm tỷ lệ cao đáp ứng nhu cầu đào tạo của nghề may thời trang. Đây cũng là một lợi thế cho thế hệ giảng viên trẻ học hỏi kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn để hoàn thiện mình hơn trong công tác giảng dạy.

Trong những năm gần đây, do nhu cầu của xã hội và nhu cầu của người học, số lượng HSSV đăng ký học khoa Công nghệ May thời trang tăng lên. Đó tạo ra áp lực lớn cho đội ngũ giảng viên của khoa thực hiện tốt chuyên môn, nghiệp vụ.

Dưới sự lãnh đạo của Trường Khoa Công nghệ may thời trang tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận phù hợp với yêu cầu của nghề đào tạo và yêu cầu xã hội. Đồng thời cử một số giảng viên đi học tiếp thu những nội dung mới, sát thực tiễn hơn nữa của nghề may thời trang, phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng theo “Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên” đến năm 2025.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.**

Trường tạo điều kiện, cử các giảng viên tham gia các lớp tập huấn về đổi mới chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, NCKH và chủ động tổ chức các hoạt động kết hợp NCKH với đào tạo thông qua hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp dạy học [3.01]; [3.4.02]; [3.4.03]. Vào đầu năm học, thông qua các cuộc họp chuyên môn khoa có chủ chương khuyến khích các đề tài NCKH phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, các đề tài liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học .

Đồng thời, thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, khoa đã cử các cán bộ, giảng viên có năng lực đi học tập, chuyển giao công nghệ chương trình dạy nghề Thiết kế thời trang CHLB Đức [3.4.4], tạo cơ hội cho cán bộ, giảng viên được tham gia học tập tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn trong giảng dạy và khả năng tự nghiên cứu.

Nhà trường có phòng QLKH&ĐBCL với chức năng theo dõi, quản lý và thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình của việc nghiên cứu khoa học và công nghệ do đó việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường luôn thuận lợi và đạt được kết quả tốt. Những năm qua phong trào NCKH công nghệ tại khoa đã có nhiều khởi sắc, đặc biệt, từ năm 2017-2020 đã có những đề tài thiết bị dạy học tự làm như : Các bộ trình tự may, ráp sản phẩm , các bộ sưu tập thời trang....đang ứng dụng vào thực tế giảng dạy các môn- dun chuyên nghề may thời trang:

Các đề tài khoa học đã tập chung chủ yếu vào nội dung giáo dục, GDNN, do đó việc NCKH đã phát huy được tính sáng tạo, thu lượm được nhiều kinh nghiệm thông qua thực tế. Nhiều giảng viên trong thời gian thực hiện luận văn thạc sỹ đã có những bài viết nghiên cứu chuyên ngành được đăng trên tạp chí khoa học trong nước [3.4.05]

Hàng năm tất cả cán bộ giảng viên trong khoa đã tham gia biên soạn và hiệu chỉnh giáo trình, bài giảng, đề cương phục vụ cho công tác giảng nghề Thiết kế thời trang [3.4.06]; [3.4.07]

Đồng thời khoa tổ chức các cuộc thi trình diễn thời trang, giảng viên và sinh viên trong khoa đã tự thiết kế, cắt , may các bộ sưu tập thời trang và tổ chức thành công các show Thời trang, thu hút sự quan tâm của sinh viên trong toàn trường .Song song với công tác NCKH, các hoạt động chuyên môn như: sinh hoạt trao đổi kinh nghiệm trong tổ bộ môn, dự giảng , rút kinh nghiệm và đặc biệt là các cuộc thi giáo viên dạy giỏi các cấp luôn được lãnh đạo trường và khoa quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Giảng viên của khoa luôn có ý thức cao trong việc trau dồi chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy, chính vì vậy, thông qua các cuộc thi Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, khoa đã chọn lựa được nhiều giáo viên xuất sắc trong lĩnh vực May thời trang tham dự các kỳ Hội giảng cấp tỉnh, cấp quốc gia. Với kinh nghiệm chuyên môn và khả năng sư phạm vững vàng, tất cả các giáo viên tham dự đều đạt thành tích cao, được sinh viên, đồng nghiệp tôn vinh và học tập [3.4.08]. Điều quan trọng hơn cả là thông qua các cuộc thi, giáo viên

tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nhằm truyền tải đến sinh viên kiến thức, vận dụng hiệu quả vào thực tiễn.

Song song với các cuộc thi Giáo viên dạy giỏi, công tác huấn luyện học sinh giỏi nghề và tham gia các cuộc thi tay nghề trong HSSV cũng đặc biệt được chú trọng. Trong nhiều năm qua, khoa Công nghệ may thời trang đã lựa chọn được những HSSV khá ,giỏi , các thầy cô tâm huyết có chuyên môn vững vàng để huấn luyện trong đội tuyển HSSV giỏi nghề [3.4.09]. Thầy và trò khoa CNMTT đã đem về trường nhiều giải cao tại các cuộc thi tay nghề cấp bộ, cấp quốc gia, được bạn bè và đồng nghiệp trong khu vực đánh giá cao

Tuy nhiên Công tác NCKH kết hợp với đào tạo của khoa đang trong giai đoạn đầu nghiên cứu nên còn thiếu kinh nghiệm.

Số lượng bài viết trên các tạp chí khoa học chưa tương xứng với tiềm năng của giảng viên trong khoa. Chất lượng công tác biên soạn giáo trình, chương trình học phần, môn học và sáng kiến, cải tiến, kinh nghiệm còn hạn chế.

Việc triển khai kế hoạch hoạt động NCKH chưa thực sự thu hút được đại bộ phận các tập thể, cá nhân và người học tham gia nghiên cứu khoa học. Chưa có nhiều đề tài khoa học công nghệ ứng dụng ngay vào sản xuất tại trường.

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của nghề May thời trang khoa cần quan tâm nhiều hơn đến việc nghiên cứu khoa học, mang tính ứng dụng hơn nữa ở các cấp nhất là ở cấp cơ sở. Cần khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào nghiên cứu các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ... Nhà trường cần thành lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các tập thể, cá nhân có những đề tài được phê duyệt và thường xuyên phát động những cuộc thi hoặc hội thảo về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học...

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 0 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Hàng năm cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo của khoa Công nghệ may thời trang được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng quyết định chất lượng đào tạo . Nhận thức được vấn đề quan trọng đó, trong những năm học qua nhà trường đã có kế hoạch phát triển và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ tin học. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên trong khoa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như học cao học, học các lớp đào tạo kỹ năng nghề [ 3.5.1]. Các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phương pháp giảng dạy trong và ngoài nước [3.5.2]. Ngoài chuyên môn nghiệp vụ, giảng viên còn được bổ sung các kiến thức kỹ năng về an toàn LĐ [3.5.03] Thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên phòng Đào tạo phối hợp phòng Tổ chức Hành chính đề xuất các khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thể hiện trong kế hoạch nhiệm vụ năm học hằng năm [3.5.04].

Nhà trường còn liên kết với Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội mở lớp đào tạo văn bằng hai tiếng Anh vào thứ bảy, chủ nhật hàng tuần để tạo điều kiện cho giảng viên của khoa được tham gia học tập và có chế độ hỗ trợ cho các giảng viên theo học lớp học này và ngày 04/11/2018 các học viên đã được nhận bằng tốt nghiệp văn bằng 2 tiếng Anh [3.5.05]

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho GV. Có chính sách khuyến khích, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của trường.

Giáo viên trong khoa tham gia tốt phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng GV giỏi cấp trường, cấp tỉnh và toàn quốc nhằm học tập, đúc rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên do một số lý do: gia đình, con nhỏ, lớn tuổi .....nên chưa chủ động tự học tập nâng cao trình độ; đồng thời nhu cầu được học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn ngày càng cao nhưng do kinh phí hạn hẹp, trường chưa có điều kiện để cử nhiều viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tổ chức.

Hàng năm nhà trường tiếp tục lập kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng GV.

Tổ chức thường xuyên cho GV đi thâm nhập thực tế để rút kinh nghiệm nghề nghiệp và cập nhật công nghệ mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề.

Bồi dưỡng năng lực cho giảng viên đạt chuẩn hội nhập quốc tế. Trong đó tập trung vào các nội dung: bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, NCKH tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng của việc dạy học và NCKH.

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trẻ, tạo ra một tập thể đội ngũ giảng viên có học vị cao, đồng đều.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: 100% Nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để nâng cao trình độ chuyên môn của các nhà giáo, ngoài việc cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ nhà trường còn tạo điều kiện cho nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất ứng dụng vào thực tiễn

Căn cứ tiêu chuẩn nhà GDNN theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH [3.6.01], nhà giáo các chuyên ngành ngoài nắm vững kiến thức ngành, nghề còn phải có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy và thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề cũng như tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy và nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh

lao động của ngành, nghề. Do đó, công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp được nhà trường thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH [3.6.02] và Quy định đặc thù của nghề May thời trang

Hiện nay số giảng viên cơ hữu của trường đang trực tiếp tham gia GD tại khoa là 19 [3.6.02]. Tất cả giảng viên đều đạt trình độ từ Đại học trở lên, nắm vững kiến thức chuyên môn và được bồi dưỡng, thực tập về thực tiễn nghề nghiệp để cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của nghề May thời trang được phân công giảng dạy.

Để cập nhật kiến thức thực tiễn cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm giúp cho hoạt động đào tạo đạt hiệu quả thiết thực, giáo viên các chuyên ngành may thời trang được cử đi HDTT và cùng thực tập với các sinh viên tại các doanh nghiệp May trong và ngoài tỉnh để cập nhật về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của nghề May thời trang và tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ [3.6.04]

Đội ngũ giảng viên trong khoa được cử đi công tác tại các doanh nghiệp rất nhiệt tình, chăm chỉ chịu khó học hỏi để cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất.

Song hành với thực tập tại các doanh nghiệp, một số giảng viên vững về chuyên môn nghiệp vụ còn được tham gia các dự án GD tại doanh nghiệp như : bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, tổ trưởng SX May công nghiệp trong dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ [3.6.05]; [3.6.06] tham gia đào tạo cho lao động nông thôn [3.6.07]; [3.6.08]. Quá trình GV đi GD tại DN không những đem nguồn thu về cho nhà trường mà còn nhận được phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp. Điều mang lại quan trọng hơn cả trong quá trình giảng viên TT, HDTT tại doanh nghiệp chính là vững vàng chuyên môn, cập nhật kiến thức thực tiễn, dễ dàng thích ứng với sản xuất.

Tuy nhiên, hiện nay trường chưa chuẩn hoá về chính sách đãi ngộ, cũng như thời gian GV tham gia TT tại doanh nghiệp còn ngắn nên chưa khuyến khích GV mở rộng quan hệ, đến thực tập tại các DN chuyên sâu về Thiết kế thời trang.

Trong những năm tới, nhà trường và khoa sẽ hoàn thiện hệ thống chính sách, thường xuyên cử nhiều giảng viên đi bồi dưỡng thực tập tại các doanh nghiệp để bồi dưỡng cho nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Xác định việc cử giảng viên đi bồi dưỡng thực tập tại các doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên giúp giảng viên cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất - kinh doanh, dịch vụ. Kết quả bồi dưỡng được sử dụng để đánh giá nhà giáo trong việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm hoặc được sử dụng làm điều kiện xét nâng hạng, thi nâng hạng viên chức; xét công nhận đạt chuẩn và các chế độ, chính sách khác có liên quan.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên của khoa hiện nay gồm : 01 trưởng khoa, 01 phó khoa cũng đồng thời là giảng viên có tham gia giảng dạy và 01 nhân viên là giáo vụ khoa chuyên trách[3.7.01]

Chức danh	Trong đó					Ghi chú
	Đảng viên	Cao cấp LLCT	Trung cấp LLCT	Thạc sĩ	Đại học	
Trưởng khoa	x	x		x		
Phó khoa	x		x	x		
GVKCC					x	

100% cán bộ quản lý, nhân viên của khoa đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [3.7.02]. Trường thực hiện theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH, thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT và đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng [3.7.03] và Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng 2006 - 2020 [3.7.04]. Trong đó trưởng, phó khoa đều là đảng viên, có trình độ thạc sĩ, nhân viên giáo vụ có trình độ đại học; trưởng khoa có trình độ lý luận chính trị cao cấp, phó khoa đang theo học Trung cấp lý luận chính trị. Đội ngũ quản lý, nhân viên của khoa được phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn đào tạo, đảm bảo trình độ theo quy định [3.7.05].

Ngoài việc tự học, tự bồi dưỡng hằng năm của cán bộ quản lý, nhân viên, hàng năm, khoa tham mưu cho lãnh đạo trường có kế hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý, nhân viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị [3.7.06] nhằm nâng cao chất lượng quản lý. Đội ngũ quản lý, nhân viên của khoa có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, có khả năng lãnh đạo khoa hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà nhà trường giao trong GD cũng như các hoạt động chuyên môn

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của khoa cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Đặc biệt trưởng khoa có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục, bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học nên có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, đào tạo và NCKH.

Tuy nhiên, do yêu cầu đổi mới trong đào tạo, đội ngũ lãnh đạo vẫn cần thiết phải thường xuyên học hỏi trau dồi nghiệp vụ quản lý để lãnh đạo chỉ đạo khoa thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà trường.

Trường tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế cận là đối tượng trẻ tuổi, có nhiệt huyết và phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ quản lý, đào tạo và NCKH.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên của khoa hiện nay gồm : 01 trưởng khoa, 01 phó khoa cũng đồng thời là giảng viên có tham gia giảng dạy và 01 nhân viên là giáo vụ khoa chuyên trách [3.8.01]

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, và nhân viên [3.8.02]; [3.8.03], trong khoa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của trường. Nhà trường cũng đã xây dựng đề án vị trí việc làm nhằm xác định công việc cụ thể của từng cá nhân, xác định khối lượng công việc cụ thể để có sự phân công, làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân.

Cán bộ quản lý, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp.

Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục các hạn chế trong năm học trước, Khoa thực hiện bình xét danh hiệu thi đua trên cơ sở các cuộc khoa chuyên môn [3.8.04] Công tác thi đua - loại, đánh giá cán bộ, viên chức được quan tâm và thể hiện trong Báo cáo tổng kết hoạt động năm học và phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu phấn đấu năm học [3.8.05] thúc đẩy cán bộ, giảng viên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong Nhà trường

Hằng năm, nhà trường thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng nhằm đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của CB-GV-NV trong toàn trường. Thông qua các cuộc họp xét thi đua hàng tháng và tổng kết từng năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ còn được gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý [ 3.8.6] đánh giá tổng kết các năm học đội ngũ cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, do khối lượng công việc giảng dạy lớn, cán bộ quản lý vẫn phải tham gia giảng dạy, phải thường xuyên công tác xa nhà nên sự lãnh đạo chỉ đạo ở một số nội dung còn chưa được giám sát thường xuyên và kịp thời.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm***

**2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

***Mở đầu***

Có thể nói, chương trình và giáo trình của nghề may thời trang trình độ Cao đẳng được xây dựng phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của



người học và thị trường lao động. Chương trình và giáo trình của nghề may thời trang đều được điều chỉnh, bổ sung để cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giáo viên của nhà trường. Ngoài ra, để theo kịp sự đổi mới của chương trình đào tạo trường đã ban hành những quy định về biên soạn giáo trình các môn học và thẩm định một cách hoàn thiện.

*\* Những điểm mạnh*

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành nghề may thời trang của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo và trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học chuyên ngành theo quy định.

Chương trình đào tạo nghề may thời trang được xây dựng có sự tham gia của các nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của các công ty, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Hàng năm trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Song song với chương trình, nhà trường có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của nghề may thời trang để phục vụ giảng dạy. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết, có bài giảng được dùng chung cho các giáo viên của bộ môn, có các tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của các học phần, môn học.

Theo quy định, định kỳ chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia, người học, doanh nghiệp sử dụng lao động. Ngoài ra, chương trình đào tạo nghề may thời trang được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với trình độ đào tạo cao hơn.

Trường có đầy đủ các văn bản về tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình theo quy định.

*\* Những tồn tại*

Nhà trường mới tổ chức thu thập ý kiến của Ban chủ nhiệm và Tổ biên soạn giáo trình mà chưa tổ chức thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Để phù hợp và đáp ứng được với các yêu cầu thực tế, nhà trường tổ chức thu thập ý kiến các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, có những điều chỉnh về chương trình, giáo trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo để người tốt nghiệp sau khi ra trường đáp ứng được với các yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

**Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo là yếu tố cốt lõi để chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp và xã hội. Chương trình đào tạo May thời trang của trường được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục, chương trình khung và các quy định do Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH ban hành. Trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng nhà trường có Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT [4.1.01].

Để giúp cho việc xây dựng chương trình đào tạo đạt kết quả tốt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, nhà trường đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo [4.1.02].

Ngoài ra còn có các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo bậc Cao Đẳng nghề may thời trang [4.1.03].

Bên cạnh đó trường còn có các quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT cùng chương trình chi tiết đào tạo bậc Cao đẳng nghề may thời trang [4.1.04].

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo bậc Cao Đẳng nghề may thời trang của trường được tổ chức lựa chọn, biên soạn, thẩm định theo quy định. Nhà trường có Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT [4.2.01];

Trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng, nhà trường có các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT [4.2.02].

Hơn nữa, nhà trường còn có các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo bậc Cao Đẳng nghề may thời trang [4.2.03]; Có quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT [4.2.04].

Trong những năm vừa qua, việc triển khai lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chương trình đào tạo đã được Trường thực hiện nhưng chưa thường xuyên và liên tục và kịp thời

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo là xương sống của toàn bộ quá trình đào tạo tại trường Cao đẳng và là yếu tố có ý nghĩa quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trong chương trình đào tạo Cao Đẳng nghề may thời trang thể hiện khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Trong 3,0 năm học, sinh viên phải học 37 mô đun gồm 125 tín chỉ. Khối lượng các môn học chung/đại cương là 330 giờ, khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn là 2970 giờ. Về loại môn học thì chương trình đào tạo bao gồm 721 giờ lý thuyết, giờ thực hành, thực tập là 2478 giờ, thi và kiểm tra là 101 giờ [4.3.01]

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo bậc Cao Đẳng nghề may thời trang cũng thể hiện năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ở chuẩn đầu ra gồm năng lực về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng có sơ đồ tiến trình đào tạo thể hiện sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môn học theo từng học kỳ. Ngoài ra trên sơ đồ còn thể hiện mối liên hệ giữa các môn học trong chương trình đào tạo.

Trong học kỳ 1 sinh viên học 7 môn chủ yếu là các môn chung như Chính trị; Kỹ năng giao tiếp; Pháp luật; Thiết bị may và an toàn lao động; Các đường may cơ bản;

Vật liệu may; Giáo dục thể chất, tương đương 21 tín chỉ, học kỳ 2 sinh viên sẽ tiếp cận các môn cơ sở ngành và chuyên ngành gồm 7 môn, tương đương 26 tín chỉ, học kỳ 3 sinh viên bắt đầu học các môn thực hành chuyên môn cơ sở và chuyên sâu gồm 7 môn, tương đương 22 tín chỉ, tại học kỳ 4 sinh viên học các môn chuyên sâu của ngành và các môn tự chọn gồm 6 môn, tương đương 20 tín chỉ, học kỳ 5 sinh viên học 19 tín chỉ, học kỳ 6 sinh viên học 20 tín chỉ.

Nhìn chung, chương trình đào tạo phân bổ các môn hợp lý theo từng học kỳ đảm bảo số lượng môn và tín chỉ của mỗi học kỳ. Các môn học kỳ sau có sự liên kết và kế thừa từ các môn của học kỳ trước. Các môn được sắp xếp từ thấp đến cao, môn chung, cơ sở ngành học trước, chuyên ngành học sau. Kiến thức chuyên ngành được xây dựng theo chương trình Mô đun kết hợp kiến thức và thực tập chuyên ngành giúp các em tiếp thu nhanh hơn và đảm bảo nắm vững kiến thức ngay sau khi được học lý thuyết. Các môn học trong chương trình thể hiện số tín chỉ, số giờ lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và số giờ thi, kiểm tra [4.4.01]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa có đầy đủ các trang thiết bị và luôn được đổi mới phù hợp với chương trình đào tạo. Các thiết bị đều có chất lượng cao và đa dạng, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của nghề May thời trang. Các công trình như giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng công năng, đảm bảo theo quy định hiện hành. Trang thiết bị của khoa được bổ sung theo ngành và theo qui mô đào tạo, số lượng thiết bị đáp ứng đủ cho các ca thực hành từ 18 đến 25 HSSV đảm bảo mỗi HSSV thực hành trên một máy [4.5.01]

Đội ngũ giảng viên là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, dịch vụ và sự phát triển của nhà trường. Khoa Công nghệ May - thời trang có đội ngũ giáo viên đảm bảo để triển khai thực hiện chương trình đào tạo [4.5.02]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp có sự phát triển toàn diện, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có khả năng tham gia vào các công đoạn sản xuất trong các doanh nghiệp May.

Chương trình thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học. Mức độ đạt yêu cầu được chia làm 3 thành phần: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Từ đó, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Thông tư 09 ngày 13/7/2017 của Bộ LĐ - TBXH. Thực hiện đánh giá và cho điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc môn học/mô đun và thi tốt nghiệp tính theo thang điểm 10. Nội dung phần kiểm tra đánh giá được thể hiện rõ trong từng chương trình môn học hay mô đun của Chương trình đào tạo [4.1.09]; [4.1.10]

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng được xây dựng dựa trên cơ sở khảo sát đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và của đất nước từ đó đánh giá sự phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ Cao đẳng có mục tiêu cụ thể, quy định mức độ của nghề thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn cần phải đạt; kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần phải rèn luyện trong khi thực hành cũng như thực tế làm việc [4.7.01].

Bên cạnh đó, Khoa Công nghệ May - thời trang có mời những chuyên gia có trình độ về tập huấn cho cán bộ giảng viên, chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, việc làm này chưa được diễn ra thường xuyên

Và đặc biệt hơn nữa trong năm học 2019 - 2020 chuyên ngành thiết kế thời trang theo chuẩn Đức lần đầu tiên được đào tạo tại trường. Với các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế và hợp tác nghiên cứu quốc tế đã được bắt đầu. Đây là một vinh dự nhưng cũng là một thử thách to lớn đối với mỗi giảng viên.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng theo hướng liên thông. Từ năm 2016 đến nay trường đã xây dựng và triển khai đào tạo một số ngành liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng các ngành Kế toán, Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử, Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Công nghệ May - Thời trang, theo phương thức chính quy và vừa làm vừa học trên cơ sở quy định đào tạo liên thông của Bộ GD&ĐT theo hệ thống đào tạo tín chỉ [4.8.01]

Trường đã có kinh nghiệm đào tạo liên thông và đã tạo được nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành công nghiệp địa phương và trong khu vực.

Năm học 2018-2019 trường biên soạn và hoàn thiện chương trình giáo dục liên thông nghề may thời trang từ trung cấp lên Cao đẳng

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong các cơ sở đào tạo thì hoạt động biên soạn giáo trình, bài giảng của giáo viên đóng vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức hoạt động đào tạo. Đây chính là cơ sở, là nền tảng để đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hàng năm, sau khi xây dựng chương trình khung, Trường tiến hành xây dựng các giáo trình cho các mô-đun, môn học theo đúng chương trình đào tạo [4.9.01].

Trong nhiều năm qua trường đã chú trọng đến việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là việc mua sắm giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và học tập các học phần, môn học, module.

Thư viện của trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo. Đối với Khoa Công Nghệ May - thời trang rất chú trọng và từng bước đầu tư và hoàn thiện đầy đủ tài liệu giảng dạy, học tập. Khoa Công Nghệ May - thời trang có đủ Giáo trình đào tạo dành cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo [4.9.02].

Hiện nay, các môn học chung nghề may thời trang sử dụng giáo trình của bộ ban hành, các môn học cơ sở, mô-đun/ môn học chuyên môn, trường tổ chức biên soạn giáo trình giảng dạy đáp ứng các mục tiêu của môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo của trường đã ban hành [4.9.03].

Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

Số giáo trình các học phần, module, tài liệu tham khảo của một số ngành mới còn hạn chế.

Năm 2018 trường tăng cường đầu tư mua sắm bổ sung thêm sách đặc biệt là cho các ngành mới, tăng cường đầu tư vào biên soạn đề cương bài giảng, dùng chung cho toàn trường, bổ sung sách cho công tác học tập và NCKH của cán bộ, giảng viên và HSSV đáp ứng mục tiêu các học phần, môn học.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.**

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để phục vụ cho hoạt động đào tạo nghề may thời trang, khi xây dựng chương

trình đào tạo Khoa Công nghệ May - thời trang đã lựa chọn các giáo trình để phục vụ cho hoạt động giảng dạy [4.10.01]

Chương trình đào tạo nghề may thời trang có đầy đủ các bản in của các giáo trình của các mô - đun, môn học của chương trình đào tạo. Các bản in này hiện đang ở trung tâm thông tin thư viện của nhà trường để cho sinh viên tham khảo [4.10.02]

Đồng thời, căn cứ vào chương trình chi tiết [4.10.03] giảng viên có thể lựa chọn danh sách thống kê giáo trình cho từng mô - đun, môn học của các chương trình đào tạo: tên giáo trình, năm biên soạn, đơn vị ban hành

Tuy nhiên, hiện nay Khoa Công nghệ May - thời trang chủ yếu sử dụng những giáo trình giảng dạy đã được duyệt trong chương trình đào tạo mà chưa rà soát, lựa chọn thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật thường xuyên theo quy định. Đồng thời, Khoa Công nghệ May - thời trang cũng chưa tổ chức biên soạn giáo trình riêng để phục vụ cho hoạt động đào tạo cho nghề may thời trang.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề cương bài giảng, bài giảng có ý nghĩa quan trọng trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo. Do vậy, các giáo trình lựa chọn được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực [4.11.01]

Hiện nay, thư viện của trường đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo các chuyên ngành đào tạo trong trường nói chung và nghề may thời trang nói riêng [4.11.02]. Các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ công tác NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên. Số đầu sách hàng năm tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy - học, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên, học sinh.

Số đầu sách đến năm 2019 là 1.305 đầu sách. Cùng với việc xây dựng chương trình đào tạo các ngành học, trường còn tập trung chỉ đạo giảng viên biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ, các bài giảng, các tài liệu đã được các khoa, tổ chuyên môn duyệt và đưa vào sử dụng, lưu hành nội bộ trong khoa, trong trường [4.11.03].

Tuy nhiên, Khoa Công nghệ May - thời trang chưa thường xuyên tổ chức đánh giá lại các giáo trình trên cơ sở lấy ý kiến của toàn bộ cán bộ, giảng viên, người sử dụng lao động để xem xét bổ sung nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực phù hợp với nhu cầu lao động hiện nay.

Mặt khác, các giáo trình giảng dạy của Khoa về thực tế đã cũ, chưa được thẩm định lại

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong những năm qua, hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học ở Khoa Công nghệ May- thời trang đã được triển khai thực hiện thành nề nếp, số lượng ngày càng tăng, chất lượng được nâng lên. Khoa có đầy đủ các bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo [4.12.01]. Các bản in này hiện đang ở trung tâm thông tin thư viện của nhà trường để cho HSSV tham khảo [4.12.02]

Khoa Công nghệ May - thời trang đặc biệt chú trọng và từng bước triển khai đổi mới phương pháp dạy và học. Vì vậy các giáo trình đã lựa chọn có nội dung cơ bản phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các giáo trình sau biên soạn đều được thông qua hội đồng để đánh giá chất lượng [4.12.03]. Tuy nhiên, công tác biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học của Khoa Công nghệ May cũng còn tồn tại hạn chế. Khoa chưa thường xuyên thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình, về mức độ phù hợp của các giáo trình đối với chương trình đào tạo.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm***

**2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

***Mở đầu:***

Nghề may thời trang là một trong những nghề trọng điểm của nhà trường, định hướng trở thành nghề trọng điểm Quốc tế, do vậy nhà trường rất quan tâm, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nhằm phục vụ tốt nhu cầu đào tạo. Thiết bị đào tạo đảm bảo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của nghề may thời trang, tương đối sát với thực tế sản xuất của doanh nghiệp.

Các cơ sở vật chất, nhà xưởng, thiết bị đào tạo và thư viện phục vụ cho đời sống vật chất, tinh thần, học tập, NCKH, vui chơi giải trí của cán bộ giảng viên, viên chức và HSSV trong trường, từng bước được đầu tư xây dựng, cải tạo, bổ sung và hoàn thiện hơn.

Thư viện, trang thiết bị đào tạo và các cơ sở vật chất khác là những yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Với bề dày hơn 60 năm đào tạo và phát triển, trường CĐCNND luôn quan tâm đầu tư cho hệ thống thư viện, đầu tư trang thiết bị học tập, phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm.

***\* Những điểm mạnh:***

Cùng với sự nỗ lực cố gắng của nhà trường trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, đặc biệt là sự quan tâm đầu tư của Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH trong những năm gần đây cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây mới và cải tạo



nhiều. Trang thiết bị bị đào tạo cũng như Thư viện điện tử được đầu tư và cập nhật liên tục tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động giảng dạy và hoạt động chung của toàn trường.

Xưởng thực hành của Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang đáp ứng đúng quy chuẩn xây dựng, có hệ thống thông khí, đường nước thoát đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Trang thiết bị đào tạo nghề may thời trang đảm bảo chủng loại, số lượng phục vụ nhu cầu dạy và học.

Nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ công tác thực hành được cấp phát đúng quy định, đảm bảo số lượng đầy đủ, được sắp xếp hợp lý, an toàn, phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

Thư viện trường có các đầu sách chuyên ngành, hệ thống máy tính được kết nối mạng internet phục vụ quá trình tự học, tra cứu tài liệu cho giảng viên, HSSV khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang.

*\* Những tồn tại:*

Kết cấu xưởng thực hành của Khoa công nghệ May và Thiết kế thời trang còn nhiều hạn chế: nhiệt độ cao trong thời tiết nắng nóng gây cản trở công tác giảng dạy và học tập; trang bị phòng xưởng bị hư hại trong quá trình sử dụng đôi khi chưa được sửa chữa kịp thời.

Thiết bị đào tạo, dụng cụ được trang bị chưa đủ đa dạng về chủng loại, chưa đủ về số lượng khiến công tác giảng dạy còn nhiều hạn chế. Công tác bảo dưỡng gặp nhiều bất cập.

Nguyên, nhiên, vật liệu được cấp phát còn chậm trễ gây tình trạng thiếu hụt trong thời gian đầu các học kỳ.

Mặc dù vấn đề cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện được nhà trường ưu tiên hàng đầu nhưng vì kinh phí đầu tư không lớn nên rất cần sự quan tâm, ủng hộ của các cơ quan chức năng, đặc biệt là Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH để trong thời gian tới nhà trường hoàn thành dự án Quy hoạch tổng thể phát triển Trường giai đoạn (2005-2020).

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang xây dựng các kế hoạch, tham mưu cho Nhà trường cập nhật mới trang thiết bị đào tạo, sửa chữa các thiết bị đào tạo hiện có kịp thời giúp đảm bảo tiến độ dạy và học.

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang tham mưu Nhà trường cập nhật các đầu sách mới, tài liệu tham khảo chính hãng đảm bảo quá trình tra cứu thông tin, giáo trình của học sinh, sinh viên hiệu quả.

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, những năm tiếp theo cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy cũng như

hoạt động chung cho toàn trường sẽ ngày càng hoàn thiện. Các công trình kiến trúc tiếp tục được đầu tư xây dựng mới bên cạnh việc cải tạo, nâng cấp các công trình đã sử dụng, cùng việc nâng cao số lượng và chất lượng các đầu sách của Thư viện truyền thống và Thư viện điện tử giúp người học tìm tài liệu học tập, nghiên cứu nhanh nhất, tốt nhất, tất cả đều nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

### **Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giảng viên và sinh viên Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang, nhà trường có hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng chuyên môn hóa đáp ứng được các hoạt động đào tạo các ngành đào tạo chung và nghề may thời trang nói riêng phù hợp với lưu lượng gần 2.000 học sinh, sinh viên hiện nay

Khu giảng đường với 48 phòng học lý thuyết với tổng diện tích: 7.370m<sup>2</sup>/1.647 học sinh, 01 phòng học ngoại ngữ, 06 phòng thực hành máy tính. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng như tạo môi trường học tập tốt cho sinh viên, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang còn có xưởng thực hành riêng biệt, được thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu dạy và học, 12 phòng học thực hành bao gồm phòng thực hành thiết kế, phòng thiết kế thời trang, phòng kỹ thuật, phòng chuẩn bị sản xuất, xưởng thực hành may, xưởng thực tập sản xuất...[5.1.01].

Các phòng học đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy, loa đài, thiết bị nghe đọc, màn chiếu và máy chiếu, quạt mát và hệ thống chiếu sáng... [5.1.02].

Xưởng thực hành có đầy đủ trang thiết bị: đường nước thoát, hệ thống điện, hệ thống thông gió, hệ thống chiếu sáng đáp ứng yêu cầu cho việc dạy và học. Có quy

chuẩn kết cấu, kiến trúc đảm bảo. Có thiết bị phòng hộ, nội quy quy định cụ thể về sử dụng, các yêu cầu về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được bố trí ở những vị trí dễ quan sát xử lý.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Xưởng thực hành đáp ứng đủ công suất sử dụng cho HSSV, GV và cán bộ quản lý, trong việc vận hành thiết bị thực hành, vận hành các phương tiện khác phục vụ cho việc điều hành, quản lý của Khoa.

Khu rèn luyện thể chất: bao gồm Có 01 sân vận động ngoài trời với tổng diện tích 4.500m<sup>2</sup> và 01 Nhà giáo dục thể chất với diện tích 1200m<sup>2</sup>[5.1.03]

Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

Để đảm bảo hệ thống kỹ thuật hạ tầng được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế, nhà trường đã phân công trách nhiệm quản lý bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các bộ phận có liên quan, Tổ Bảo dưỡng cơ sở vật chất thuộc phòng Quản trị thiết bị - Cơ sở vật chất có trách nhiệm quản lý, bảo trì, bảo dưỡng đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, thông gió; phòng cháy chữa cháy để đảm bảo các hệ thống luôn được vận hành tốt [5.1.04] ,[5.1.05]

Như vậy, phòng học, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo của nghề may thời trang. Tuy nhiên, Xưởng thực hành vào mùa nắng nóng còn ảnh hưởng nhiều đến công tác dạy và học của Giảng viên và HSSV của Khoa. Do đó, năm 2020 Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang đã đề nghị nhà trường cải tạo lại xưởng thực hành các nội dung: chống nóng, thông khí để đảm bảo công tác dạy và học tại Xưởng [5.01.06] .

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa Công nghệ may và thiết kế thời trang đào tạo 03 chuyên ngành: Công nghệ may; May thời trang; Thiết kế thời trang được đầu tư trang thiết bị: 2.646.996.000 đồng.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Bộ Công Thương, ngoài các dự án đầu tư về XDCB trường còn được đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị hằng năm trên dưới 5.000.000.000 đồng/năm[5.2.01].

Trang thiết bị đào tạo được Khoa Công Nghệ may và Thiết kế thời trang đề nghị nhà trường đầu tư mua sắm trên cơ sở đấu thầu công khai theo quy định hiện hành của

Pháp luật, và được cung cấp bởi các đơn vị uy tín, do vậy tất cả các trang thiết bị đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng [5.2.02].

Hàng năm nhà trường lập kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị với công nghệ sản xuất hiện đại cho các ngành nghề đào tạo của trường từ các nguồn vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước và nguồn tích lũy của trường để đáp ứng yêu cầu về chủng loại, số lượng và chất lượng theo chuẩn của Tổng cục Dạy nghề quy định [5.2.03] [5.2.04] [5.2.05].

Đặc biệt năm 2019 nhà trường đã được tiếp nhận dự án đào tạo ngành Thiết kế thời trang theo chuẩn Đức nên Khoa đã được đầu tư thêm nhiều chủng loại thiết bị tiên tiến. Trang thiết bị đào tạo theo số liệu kiểm kê đến 01/01/2020 đáp ứng đủ danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành và nghề [5.2.06], [5.2.07].

Trang thiết bị nghề may thời trang hiện sử dụng các hãng phổ biến JUKI, JACK, BROTHER. Tuy nhiên thiết bị đào tạo chưa đa dạng về chủng loại và chưa cập nhật kịp thời các thiết bị tiên tiến hiện đại mới. Trước những thách thức của thời kỳ hội nhập và xu hướng phát triển của xã hội thì với chủng loại thiết bị máy móc sản xuất hiện đại của nhà trường hiện nay còn hạn chế so với nhu cầu ngành nghề đào tạo của nhà trường trong thời gian tới.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa Công Nghệ may và Thiết kế thời trang có đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với chương trình đào tạo của nhà trường [5.3.01] [5.3.02]. Các trang, thiết bị đều có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các nghề. Trang thiết bị của trường được bổ sung theo ngành và theo qui mô đào tạo [5.3.03] [5.3.04].

Bằng nguồn vốn tự có và nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm về tăng cường năng lực dạy nghề, Nhà trường đã đầu tư mua sắm các trang thiết bị đào tạo đủ về số lượng và chủng loại, theo từng ngành nghề đào tạo bảo đảm chất lượng các thông số kỹ thuật sử dụng theo đúng mục tiêu đào tạo [5.3.05], có hồ sơ xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tính đồng bộ. Trang thiết bị đào tạo nghề may thời trang được quản lý theo hồ sơ lưu tại Phòng Quản Trị Vật Tư. Số lượng trang, thiết bị đáp ứng đủ cho các ca thực hành của HSSV [5.3.06] [5.3.07].

Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các nhà xưởng thực hành bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ khoa học và sư phạm, có hệ thống thông gió, hệ thống ánh sáng đầy đủ; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành.

Trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí vị trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân [5.4.01] [5.4.02].

Với các điều kiện của các xưởng thực hành, môi trường thoáng mát, nhà xưởng riêng biệt đảm bảo các tiêu chuẩn của trường cao đẳng đào tạo nghề. Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy học đảm bảo chất lượng, hiện đại, tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn của xưởng thực hành.

Trường có quy định về quản lý, sử dụng xưởng thực hành, trong đó có quy định rõ trách nhiệm của người quản lý về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Ngoài ra Khoa có cán bộ chuyên trách theo dõi, quản lý kịp thời báo cáo tình trạng của máy móc, thiết bị. Mỗi xưởng thực hành đều có sổ bàn giao ca ghi lại tình trạng thiết bị sau từng ca thực hành, được lưu lại để Khoa quản lý, theo dõi và cập nhật tình hình hư hỏng của máy [5.4.03].

Máy móc, trang thiết bị được sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên (đảm bảo tiêu chuẩn ISO 9001-2015) chính vì thế luôn sẵn sàng đưa vào phục vụ sản xuất cũng như học tập. Việc sử dụng, quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường.

Do nhu cầu của xã hội ngày càng cao, một số máy móc, thiết bị đã quá cũ, khi phát hiện hư hỏng khó tìm được phụ tùng thay thế vì không còn được sản xuất.

Luôn hoàn thiện và cập nhật các quy trình, công nghệ mới để bổ sung, điều chỉnh vào các quy định cho phù hợp với thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và nâng cao tuổi thọ của máy móc thiết bị mới được trang bị.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc sử dụng vật tư chấp hành đúng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo của Nhà Trường và quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo [5.5.01]. Hằng năm Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó xây dựng các định mức về tổ chức mua sắm, cấp phát vật tư đáp ứng kịp thời tiến độ cũng như kế hoạch phục vụ đào tạo [5.5.02].

Từng học kỳ Khoa căn cứ vào nhu cầu thực tế của đơn vị để đề xuất các vật tư phục vụ giảng dạy. Việc thực hiện đề xuất vật tư cho mỗi học kỳ thường được Khoa thực hiện trước khi học kỳ mới bắt đầu [5.5.03]. Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu giữ vật tư của nhà trường được bố trí tại khu vực trung tâm, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc và được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học thuận tiện cho việc nhập, xuất.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, trường phải liên kết đào tạo tại các cơ sở ở các tỉnh xa trường nên việc cấp phát và theo dõi vật tư học thực hành cũng gặp khó khăn. Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, phương án cho các môn học sao cho hợp lý và thuận tiện nhất để việc cấp phát và theo dõi vật tư học thực hành của các em sinh viên luôn kịp thời, đầy đủ.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ khi thành lập trường, nhà trường đã quan tâm đến thư viện, phòng đọc, sách, giáo trình phục vụ giáo viên, giảng viên và các em học sinh sinh viên nghiên cứu, học tập.

Nhà trường đầu tư xây dựng thư viện với phòng đọc rộng rãi thoáng mát. Các cabin đọc được bố trí khoa học với 90 chỗ ngồi, diện tích thư viện là 586,8m<sup>2</sup> [5.6.01]. Hiện tại, thư viện có đủ giáo trình theo danh mục chương trình đào tạo [5.6.02] [5.6.03] [5.6.04] Thư viện đang lưu thông 1.301 đầu sách số lượng 19.326 cuốn, 26 đầu báo và tạp chí [5.6.05] tạo điều kiện thuận lợi cho CCVC và sinh viên, học sinh khai thác phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập theo đúng chương trình đào tạo. Thư viện liên hệ và cung cấp các tài liệu hỗ trợ giảng viên lên lớp như sổ lên lớp, sổ giáo án theo mẫu và các công cụ, dụng cụ, mô hình phục vụ giảng dạy [5.6.06]. Ngoài ra, thư viện còn có các tài liệu, báo trí, tạp trí phục vụ nhu cầu đọc của HSSV [5.6.07]

Thư viện nằm trong khu vực trường nên thuận lợi cho việc mượn trả sách của giảng viên, sinh viên. Đã số hóa được mục lục tài liệu nhằm phục vụ tra cứu trên mạng

qua phần mềm. Có kế hoạch thường xuyên số hóa mục lục tài liệu, bổ sung đầu sách vào hệ thống tra cứu.

Cán bộ quản lý chuyên trách đúng chuyên ngành nên Thư viện trường được quản lý gọn gàng đảm bảo dễ thấy, dễ lấy, có sổ sách ghi chép việc mượn và trả tài liệu đầy đủ, rõ ràng.

Tuy nhiên, danh mục tài liệu điện tử chưa nhiều. Kinh phí nhà trường đầu tư hằng năm cho việc bổ sung tài liệu còn ít.

Số tài liệu, sách, giáo trình được cập nhật hằng năm theo chuyên ngành đào tạo còn hạn chế, Phòng lưu trữ tài liệu chật hẹp.

Phương hướng: hằng năm chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung tài liệu (đặc biệt đối với tài liệu, sách giáo trình chuyên ngành) đồng thời Nhà trường sẽ tăng mức đầu tư kinh phí cho việc mua bổ sung tài liệu, giáo trình.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ngày 01/06/2020 nhà trường quyết định Thành lập trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông- Thư viện nhằm xây dựng và phát triển thư viện điện tử, quản lý và cung cấp thông tin, hoạt động của nhà trường ra công chúng [5.7.01]

Hiện tại, Trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông- Thư viện đang hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử, đã và đang số hóa mục lục tài liệu trong thư viện theo cấu trúc Marc21 phù hợp với tìm kiếm liên thư viện. Thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở để đưa vào thư viện điện tử nhằm phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường [5.7.02]

Nhà trường lắp đặt và phát triển các điểm phát wifi phủ khắp các khu vực trong trường, đây là điểm thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu thư viện theo mục lục điện tử, sử dụng thư viện điện tử [http:// lic.cnd.edu.vn](http://lic.cnd.edu.vn) [5.7.03]

Đội ngũ cán bộ thư viện có khả năng đáp ứng được yêu cầu mới về thư viện và thư viện điện tử. Hiện tại cán bộ thư viện có 07 người trong đó có 01 tiến sĩ, 02 thạc sĩ công nghệ thông tin, 01 đại học công nghệ thông tin và 03 đại học về quản lý thông tin thư viện.

Cán bộ chuyên trách thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở thuộc các chuyên ngành, cập nhật kịp thời yêu cầu đào tạo của nhà trường, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, xây dựng thư viện điện tử

Chưa có phòng máy hỗ trợ người đọc đến thư viện để tìm kiếm và đọc tài liệu điện tử. Thẻ thư viện kết hợp với thẻ sinh viên nên chưa có giải pháp quản lý độc giả trên hệ thống thư viện điện tử. Chưa có các thiết bị nhằm hỗ trợ số hóa tài liệu như mã vạch, quản lý và in thẻ, máy quét công nghiệp, máy sao CD.

Xây dựng kế hoạch phát triển thư viện nhà trường theo hướng hiện đại: có phòng đọc điện tử, thiết bị số hóa nội dung tài liệu, quản lý mượn trả qua thẻ thư viện theo mã vạch.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang với đặc điểm dạy và học chủ yếu trên các thiết bị thực tế, việc trang bị các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học hiện đại vẫn còn hạn chế. Khoa đã áp dụng phần mềm Thiết kế, giác sơ đồ Lectra; Thiết kế thời trang trên máy tính Lectra – Modaris [5.8.01], tuy nhiên nguyên nhân việc hạn chế các phần mềm một phần đến từ công tác dạy học thực hành chú trọng thao tác chính xác, cẩn thận của SV nên việc trang bị phần mềm mô phỏng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế. Một phần khác đến từ chi phí đầu tư các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học rất cao, thậm chí chi phí này lớn hơn chi phí mua sắm trang bị thiết bị, dụng cụ.

Do đó, với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo Nghề May Thời trang, Khoa tham mưu cho Nhà trường trang bị thêm các phần mềm ảo giúp SV tiếp cận thực tế sản xuất tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang cũng tham mưu Nhà trường trang bị một số phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học với chi phí phù hợp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 0 điểm***

## **2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

***Mở đầu:***

Trong những năm qua Khoa Công nghệ may & TKTT luôn xác định người học là yếu tố quan trọng, là trung tâm của mọi hoạt động trong công tác đào tạo. Khoa đã xây dựng một môi trường học tập và rèn luyện, ở đó người học được quan tâm và thực hiện các điều kiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Cụ thể người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, quy định trong quy chế đào tạo; người học được đảm bảo các chế độ chính sách và chăm sóc sức khỏe định kì theo quy định của y tế học đường, được tham gia đầy đủ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, luyện tập TDTT và đảm bảo an toàn trong trường học; người học được tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm.

***\* Những điểm mạnh:***

Khoa luôn có sự phối hợp đồng bộ giữa các đoàn thể, các phòng, khoa, trung tâm và các ban, ngành trong và ngoài trường để hoàn thành tốt mục tiêu đào tạo toàn diện, đáp ứng công cuộc đổi mới của sự nghiệp giáo dục của nhà trường.



Nhiều năm qua, Khoa luôn có sự đổi mới về nội dung và phương pháp đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo mở thêm nhiều ngành, nghề nhằm đáp ứng với nhu cầu của người học và yêu cầu của nền sản xuất xã hội. Trong đào tạo luôn coi trọng chất lượng và hiệu quả, HSSV ra trường phần lớn có việc làm ổn định và được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về chất lượng đào tạo của Khoa.

*\* Những tồn tại:*

Việc điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp đã có trong kế hoạch nhưng chưa được thực hiện thường xuyên.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hiện nay nhà trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp sẽ tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trên toàn quốc; trên cơ sở đó khoa sẽ nắm bắt kịp thời số lượng HSSV của khoa sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm ổn định từ đó điều chỉnh phương pháp đào tạo cho phù hợp với thực tế ngoài doanh nghiệp.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>8</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

**Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của nghề may thời trang được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, phù hợp với mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Khoa luôn quan tâm và đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, nhằm lược bỏ những nội dung không còn phù hợp và cập nhật những tiến bộ của khoa học và công nghệ, mục tiêu của khoa được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể giảng viên trong khoa. Sứ mạng được đăng tải trên Website trường và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Đào tạo nghề trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp theo chương

trình khung của Bộ LĐTĐBXH có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho các học phần của ngành học, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng lao động. Thông qua website của trường người học nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, năm học. Người học thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong mọi hoạt động về văn hóa, văn nghệ và TĐTT.

Người học được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, người học có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập. Đa số HSSV trong khoa đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do nhà trường và các tổ chức đoàn thể phát động. Khoa phối hợp với phòng CTHSSV luôn quan tâm, chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện cho học sinh sinh viên về đạo đức, lối sống, tính tập thể và tinh thần trách nhiệm.

Khoa Công nghệ may và thời trang đào tạo nhiều ngành, nghề, nhiều bậc học khác nhau. Việc định hướng nghề nghiệp cho HSSV nắm rõ được mục tiêu, chương trình đào tạo của các ngành, nghề, bậc học và những thông tin về Nhà trường và Khoa là rất cần thiết. Điều đó được thể hiện qua “Tuần sinh hoạt giáo dục Công dân -HSSV” ngay từ những ngày đầu vào nhập học và đầu các năm học [6.1.01]. Tất cả người học đều được phòng Công tác HSSV phổ biến các nội dung quy định về khen thưởng kỷ luật, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV và các chế độ liên quan đến HSSV [6.1.02],[6.1.03], phòng Đào tạo phổ biến các nội dung liên quan tới chương trình giáo dục, đào tạo hiện hành của Bộ LĐTĐBXH [6.1.04].

Ngoài việc tổ chức sinh hoạt “Tuần giáo dục Công dân - HSSV” khoa còn phân công giáo viên làm công tác chủ nhiệm, cố vấn học tập thực hiện kế hoạch sinh hoạt lớp hàng tháng theo chủ đề . Trong thông báo nội dung sinh hoạt hàng tháng khoa phối hợp với nhà trường đã lồng ghép những nội dung cập nhật mới về những vấn đề liên quan đến người học cho đội ngũ cố vấn học tập, để họ giúp cho người học nắm bắt được kịp thời [6.1.05].

Những quy định cụ thể từng học phần (số đơn vị học trình, số tiết và nội dung chương trình, yêu cầu tài liệu...) và yêu cầu kiểm tra đánh giá sẽ được giảng viên bộ môn trực tiếp phổ biến cho người học khi bắt đầu thực hiện học phần đó.

Nhà trường có kế hoạch từ công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện, xây dựng các quy định, nội quy liên quan tới đào tạo và với nhiều hình thức tổ chức phổ biến hướng dẫn, tuyên truyền như: Trên Website, hệ thống truyền thanh của Ký túc xá, trong các buổi sinh hoạt đầu năm, đầu kỳ và các tháng và cụ thể hơn trong từng phòng học lý thuyết, thực hành hay phòng máy đều có nội quy, quy định riêng để người học thực hiện. Từ đó người học có kế hoạch tốt cho quá trình phấn đấu tu dưỡng học tập của bản thân [6.1.06]. Công tác quản lý HSSV trong và ngoài giờ học được phối hợp chặt chẽ. Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách có liên quan.

Thông qua những hoạt động trên người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo để định hướng cho việc học tập, nghiên cứu phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

Ngoài ra, nhà trường còn niêm yết tất cả các văn bản có liên quan lên website theo địa chỉ Website: <http://cnd.edu.vn> để HSSV trên cập khi cần thiết [6.1.07]. Như vậy người học được thông tin đầy đủ các chế độ chính sách; thông tin về nghề nghiệp, việc làm. Đáp ứng được nhu cầu ăn, ở, chăm sóc sức khỏe.

Công tác quản lý HSSV trong và ngoài giờ học được phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và gia đình sinh viên. Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách có liên quan.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam định luôn xác định việc thực hiện các chế độ chính sách HSSV là điểm nhấn thu hút đầu vào và là công tác hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập tại trường cho đến khi tốt nghiệp ra trường. Vì vậy, nhà trường đã thông báo cho HSSV ngay từ khi nộp hồ sơ nhập học.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu năm và phổ biến quy định của Nhà nước và của nhà trường về chế độ chính sách cho HSSV [6.2.01]. Bên cạnh đó, trên website của phòng Công tác HSSV thường xuyên đăng tải và cập nhật những thông tin, thông báo về các chế độ chính sách, miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập cho HSSV [6.2.02]. Hằng năm, phòng Công tác HSSV thông báo đến các đơn vị về chính sách miễn giảm học phí [6.2.03]. Học sinh sinh viên được hưởng chế độ miễn giảm học phí theo từng học kỳ theo quy định đóng học phí hằng năm [6.2.04]. Người học được hưởng chế độ miễn giảm đều được phòng công tác HSSV và giáo viên cố vấn học tập hướng dẫn làm hồ sơ theo mẫu chung [6.2.05]

Nhà trường luôn quan tâm việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với HSSV có kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Sau mỗi học kỳ trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của HSSV phòng đào tạo tổng hợp trình hội đồng Trường xét duyệt đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt [6.2.06]. Việc xét khen thưởng luôn đảm bảo đúng đối tượng tạo động lực thúc đẩy trong phong trào thi đua học học tốt rèn luyện tốt vì ngày mai lập nghiệp. Đây là nguồn khích lệ lớn đối với HSSV của khoa, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua học tốt trong HSSV.

Nhà trường luôn duy trì việc phát động phong trào thi đua trong học tập, rèn luyện vào đầu năm học đến tất cả HSSV. Các tập thể lớp đăng ký phấn đấu theo các tiêu chí đề ra, cuối học kỳ có tổng kết bình xét đề nghị các cá nhân đạt tiên tiến xuất sắc. Trường thực hiện xét cấp học bổng khuyến khích cho HSSV kịp thời đúng quy định ngoài ra còn có nguồn tài trợ của các doanh nghiệp trao cho những HSSV nghèo vượt khó vươn

lên học tập [6.2.07]. Sự phối kết hợp giữa các phòng, khoa và đội ngũ Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học trong quá trình học tập tại khoa.

Cuối mỗi năm học, Phòng Công tác HSSV báo cáo cụ thể kết quả các mảng công việc về đảm bảo chế độ chính sách cho người học trong báo cáo tổng kết hoạt động của phòng, đánh giá những mặt mạnh, mặt hạn chế trong công tác đảm bảo các chế độ chính sách cho HSSV [6.2.08].

- HSSV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, chế độ chính sách kịp thời, chính xác.

- Phổ biến kịp thời các chế độ, chính sách tới người học.

Khoa Công nghệ May thời trang luôn theo sát các tiêu chuẩn của nhà trường triển khai đến các GVCN và CVHT đôn đốc nhắc nhở học sinh, sinh viên trong học tập, rèn luyện để đạt được những thành tích khen thưởng của nhà trường.

Còn hạn chế do đối tượng đầu vào có sức học tập chưa cao, ý thức tự giác tu dưỡng phấn đấu của một số HSSV chưa liên tục do đó kết quả còn hạn chế về số lượng và chưa có niềm đam mê khi tham gia các hoạt động khen thưởng.

Tăng cường việc kiểm tra nề nếp học tập và chấp hành nội quy, quy chế của HSSV. Kịp thời uốn nắn biểu hiện thiếu cố gắng và tư tưởng trung bình trong phấn đấu. Nghiên cứu bổ sung các chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng mềm cho HSSV để thích ứng với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp tạo mối liên hệ tốt giữa nhà trường với doanh nghiệp.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.**

Hiện nay nhà trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp sẽ tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp cung cấp kịp thời cho người học các thông tin hữu ích về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, các nhà tuyển dụng các ngành nghề mà xã hội đang cần để từ đó trợ giúp và giới thiệu việc làm cho người học trước và sau khi tốt nghiệp[6.3.01].

Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp khoa kết hợp với Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp thường xuyên cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho HSSV thông qua việc niêm yết các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin về nhu cầu lao động của doanh nghiệp về khoa để cùng phối hợp thông tin đến HSSV [6.3.02].

Hàng năm khoa kết hợp với Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp tổ chức "Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp" giúp HSSV có định hướng trong nghề nghiệp, tiếp cận với môi trường làm việc cũng như những yêu cầu về trình độ kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho HSSV đã tốt nghiệp và chuẩn bị tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề

được đào tạo và cũng là cơ hội về việc làm bán thời gian cho các sinh viên trong quá trình học tập tại trường có nhu cầu đi làm thêm. Việc định hướng học tập cho HSSV đang học thông qua các hoạt động tuyển dụng trực tiếp giúp HSSV làm quen với thị trường tuyển dụng lao động, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, tiếp cận trực tiếp với HSSV của Nhà trường nhằm tìm kiếm và tuyển dụng những nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của đơn vị. Qua đó tạo mối quan hệ trao đổi thông tin lâu dài giữa Khoa, Nhà trường và Nhà tuyển dụng, giúp tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía HSSV và đặc biệt là đơn vị sử dụng lao động; Làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung chương trình, phương pháp, kỹ năng cần trang bị cho HSSV sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động [6.3.03]. Ngoài ra Trường còn phối hợp với các DN tổ chức giao lưu, phỏng vấn tuyển dụng khi DN có nhu cầu, mỗi năm có khoảng 5 đến 10 DN tổ chức phỏng vấn tuyển dụng riêng lẻ

Từ khi thành lập Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp đến nay Nhà trường đã huy động được nguồn lực hỗ trợ từ các DN cho hoạt động đào tạo, đồng thời là cầu nối tổ chức cho HSSV tham quan trực tiếp tại doanh nghiệp đối với HSSV mới vào trường và hỗ trợ nơi thực tập cho HSSV trong quá trình học tập và HSSV năm cuối [6.3.04]

Việc thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi giúp Nhà trường có điều kiện trao đổi, làm việc với các DN có nhu cầu tuyển dụng. Hiện nay do nguồn tuyển sinh đầu vào của Khoa và Nhà trường hàng năm giảm nên việc duy trì và tổ chức các ngày hội cho sinh viên còn nhiều hạn chế như:

Chưa báo cáo được kết quả công tác tư vấn việc làm và kết quả tổ chức hội chợ việc làm hàng năm

Chưa tổ chức thu thập, đánh giá kết quả HSSV tốt nghiệp có việc làm định kỳ và thường xuyên.

Chưa tổ chức các chương trình giao lưu kết nối giữa DN, cựu HSSV, những người thành đạt, các chuyên gia nhân sự tới trường để chia sẻ kiến thức thực tế với HSSV.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động TDDT của trường phát triển mạnh nhờ được sự quan tâm của lãnh đạo trường và các ban ngành, nhà trường đã xây dựng nhà Giáo dục thể chất với diện tích 1.200 m<sup>2</sup>. Tổ chức các bộ môn: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông và thường xuyên tổ chức giao lưu, thi đấu thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn và khai giảng. Đây là một sân chơi, thi đấu giao hữu đối với các lớp, khoa trong trường và các trường bạn thu hút được sự tham gia, cổ vũ đông đảo nhất của người học [6.4.01].

Để phục vụ cho hoạt động TDDT cho HSSV giải trí vui chơi sau giờ học và hưởng ứng chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, Nhà trường đã trang bị dụng cụ phục vụ cho các môn thể thao bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tạ....[6.4.02].

Sinh hoạt văn hóa văn nghệ, TDTT là một trong những điểm mạnh của HSSV trong khoa. Hằng năm trong những ngày lễ lớn, ngày hội của trường đội văn nghệ, đội thể thao đã đóng góp không nhỏ vào hoạt động chung của Nhà trường như: ngày thành lập Đoàn 26/3, ngày nhà Giáo Việt Nam 20/11, ngày Khai giảng và chào mừng Đại hội đảng bộ trường. HSSV được giao lưu văn hóa, tham gia hội diễn văn nghệ, thể thao với HSSV toàn trường [6.4.03]. Ngoài các hoạt động thường xuyên của nhà trường HSSV trong khoa còn được tham gia buổi sinh hoạt Giáo dục sức khỏe giới tính nữ HSSV nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về giới tính trong học đường, Ngày hội hiến máu nhân đạo để cứu giúp các bệnh nhân gặp khó khăn thể hiện lòng nhân ái " Thương người như thể thương thân" của HSSV [6.4.04]

Hằng năm ngoài việc đào tạo các chương trình chuyên môn cho HSSV, Nhà trường còn phối hợp với các công ty tổ chức buổi tập huấn kiến thức về an toàn giao thông và lái xe an toàn trong học đường nhằm cung cấp cho HSSV những kiến thức, kỹ năng lái xe an toàn. Bên cạnh đó giới thiệu cho HSSV những dịch vụ và sản phẩm tốt nhất bảo vệ quyền lợi người sử dụng góp sức với cộng đồng bảo vệ môi trường và tính mạng mỗi người khi tham gia lái xe thông qua kỹ năng sử dụng xe an toàn và hiệu quả [6.4.05]

Công tác phòng cháy chữa cháy cũng được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành nội quy, quy định về PCCC [6.4.06]. Bên cạnh đó Nhà trường còn trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC trong khuôn viên trường. Ngoài ra Nhà trường còn lên kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ cho cán bộ giáo viên và HSSV [6.4.07]

Để tạo điều kiện cho HSSV có môi trường học tập tốt và đảm bảo công tác ANTT tại trường, Hiệu trưởng nhà trường đã phát hành văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với các bộ phận của trường [6.4.08]

Định kỳ hàng tháng ban chỉ đạo an toàn sức khỏe trường học thực hiện kiểm tra tình hình vệ sinh khuôn viên trường, lớp có đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định

Hoạt động văn nghệ thể thao góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, ý thức xã hội và cá nhân người học. Công tác an toàn trong trường học được đảm bảo nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo của trường.

Hiện tại Khoa Công nghệ May thời trang vẫn còn một số hạn chế trong công tác hoạt động phong trào của HSSV. Do nguồn tuyển sinh đầu vào của Khoa và Nhà trường hàng năm giảm nên việc duy trì và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao cho HSSV không được thường xuyên liên tục giữa các năm

Trang thiết bị cho hoạt động TDTT còn hạn chế.

Xây dựng, triển khai các kế hoạch hoạt động văn hóa thể thao trong năm học, bổ sung quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhà trường bổ sung trang bị thêm cho nhà Giáo dục thể chất

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 2 điểm***

## 2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

### Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

#### *Mở đầu:*

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định luôn coi trọng việc đánh giá và giám sát chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội. Trong những năm qua việc đánh giá giám sát chất lượng được thực hiện với nhiều hình thức như thu thập lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, giảng viên, người học và doanh nghiệp... với những công cụ, phương pháp khác nhau đảm bảo tính khách quan, chính xác khi giám sát, đánh giá

#### *\* Những điểm mạnh:*

Thông qua các hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến, nhà trường sẽ có kế hoạch cụ thể cũng như các biện pháp thực hiện việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả giám sát và tự đánh giá.

#### *\* Những tồn tại:*

Việc giám sát và đánh giá diễn ra không thường xuyên và liên tục. Quá trình giám sát và đánh giá chất lượng còn gặp một số khó khăn như: số lượng sinh viên mỗi lớp ít không đảm bảo tính chính xác khi giám sát đánh giá mặt khác trong quá trình đào tạo phối kết hợp với các doanh nghiệp do tính chất đào tạo kết hợp với sản xuất làm cho thời gian và tiến độ bị ảnh hưởng đôi khi không thực hiện được.

#### *\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường lập ra các kế hoạch chiến lược lâu dài cũng như đưa ra các phương án tuyển sinh, hình thức đào tạo nhằm thu hút người học đến với nhà trường. Đổi mới phương pháp, phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên kết đào tạo với nhà trường để công tác giám sát, đánh giá được thuận lợi, chính xác.

### Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến đánh giá nhận xét của các doanh nghiệp có liên kết đào tạo và tiếp nhận sử dụng lao động là HSSV của trường thông qua hình thức giao lưu hội thảo nhằm đánh giá chất lượng về mức độ đáp ứng trong công việc của người học sau khi tốt nghiệp ra trường [7.1.01]

Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp là đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch và phương thức thực hiện khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Bên cạnh đó, các đơn vị có liên quan như phòng Công tác HSSV, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang cũng phối hợp thực hiện. Trong kế hoạch cũng nêu rõ đơn vị phụ trách và thời gian thực hiện, báo cáo theo từng giai đoạn cụ thể. Mặt khác, để thực tốt nhiệm vụ khảo sát cải tiến chất lượng, khoa cũng xây dựng quy trình khảo sát doanh nghiệp và cựu học sinh, sinh viên các biểu mẫu khảo sát; quy định thời gian, đối tượng thực hiện nhiệm vụ để hoàn thành kế hoạch theo từng năm.

Qua kết quả lấy ý kiến, kết quả đánh giá của đơn vị sử dụng lao động đều hài lòng về chất lượng đào tạo của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng tốt với công việc. Trong đó khoảng 90% đơn vị hài lòng về khả năng vận dụng kiến thức chung trong công việc; 90% đơn vị đánh giá cao về khả năng lập kế hoạch hoạt động chuyên môn, khả năng làm việc độc lập, có trách nhiệm trong chuyên môn và có tinh thần cầu tiến, tác phong làm việc nhanh nhẹn cũng như ý thức trong công việc [7.1.02].

Tuy nhiên, trong kết quả đánh giá cũng chỉ ra những mặt chưa được và đã có những góp ý mang tính xây dựng giúp cho nhà trường có những điều chỉnh thích hợp trong tương lai như đánh giá chưa cao về khả năng làm việc theo nhóm, khả năng nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi.

Những tồn tại trên là cơ sở để nhà trường có những kế hoạch điều chỉnh trong giảng dạy trong đó tăng cường các hoạt động thực hành theo nhóm, có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình sinh viên thực tập giúp các em sẽ có những thích ứng với mọi môi trường làm việc trong tương lai. Đưa ra các buổi tham quan tại các cơ sở liên quan đến các ngành nghề của HSSV trong tương lai giúp các em có những định hướng cho bước phát triển sau này của mình. Áp dụng công nghệ để xây dựng hệ thống kết nối cung và cầu đào tạo trong toàn hệ thống. Tăng cường gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, doanh nghiệp là chủ thể của GDNN, được tham gia tất cả các công đoạn trong



quá trình đào tạo. Thí điểm thành lập hội đồng ngành trong một số lĩnh vực đào tạo của trường cùng với sự tham gia của cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN, các bộ, ngành, các doanh nghiệp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp được nhà trường cũng như lãnh đạo Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang quan tâm. Thực hiện theo kế hoạch chung của nhà trường, hàng năm khoa thực hiện kế hoạch khảo sát HSSV đã tốt nghiệp.

Từ thông tin tổng hợp đầu mỗi từ Ban liên lạc cựu HSSV, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang phối hợp với ban liên lạc cựu HSSV tổ chức khảo sát người học tốt nghiệp khi ra trường nhằm đánh giá, tìm hiểu những kiến thức, kỹ năng từ chương trình đào tạo mà người học đạt được, qua đó đánh giá HSSV phù hợp với ngành, nghề đào tạo [7.2.01]. Hàng năm, công tác xét tốt nghiệp của nhà trường đều tổ chức một cách nghiêm ngặt theo quy định và quy trình. Nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người tốt nghiệp hàng năm [7.2.02]

Sau khi HSSV tốt nghiệp, thông tin các em đều được lưu trữ tại trường. Đồng thời trường lập trang mạng xã hội, quản lý trang mạng xã hội của từng khoa; thống kê thông tin cựu HSSV của từng khoa; tiến hành khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau tốt nghiệp theo định kỳ.

Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm được gửi đến toàn thể các đơn vị nhà trường và được lưu trữ theo quy trình ban hành. Thông qua kết quả khảo sát để lãnh đạo đơn vị có những tham mưu, kế hoạch điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đồng thời có những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Khoa.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường ban hành các quy định liên quan đến chính sách liên quan đến dạy và học [7.3.01], chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm

cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều được lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Bên cạnh đó, vào mỗi đầu năm học, trước khi triển khai Hội nghị CBCC nhà trường đều tổ chức cho các CBVC trong nhà trường góp ý các văn bản quy định theo từng đơn vị, từ đó tổng hợp hoàn thiện quy định. Mặt khác, trong Hội nghị CBCC, nhà trường tiếp tục lấy ý kiến đóng góp của CBVC thể ý tính dân chủ trong nhà trường nhằm xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan đến các chính sách chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động [7.3.02]

Nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo. Hằng năm, việc phân loại, đánh giá viên chức, công chức luôn được nhà trường chú trọng thực hiện.

Thông qua đánh giá, phân loại nhà trường có những điều chỉnh cán bộ, viên chức để phù hợp với năng lực, trình độ của từng cá nhân trong trường. Chủ động trong việc phân công công việc, có những đánh giá mang tính khách quan đối với từng cá nhân. Công tác đánh giá phân loại nhà giáo đã có nhiều đổi mới, bước đầu phát huy tính tích cực, tạo động lực và khuyến khích nhà giáo phấn đấu vươn lên.

Tuy nhiên, hạn chế trong công tác này là nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận nhà giáo còn né tránh, nể nang nên việc đánh giá chưa thật chính xác, khách quan, chưa phản ánh đúng thực chất về đội ngũ.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.**

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hằng năm, Phòng công tác HSSV, phòng QLKH & ĐBCL kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của các khoa xây dựng kế hoạch để thu thập ý kiến đánh giá của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường theo kế hoạch đề ra. Trong kế hoạch ghi rõ thời gian, phương thức thực hiện. [7.4.01]

Theo đó, nhân viên, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập là những người trực tiếp phát phiếu khảo sát và HSSV được đánh giá và ghi nhận những ý kiến của mình. Phòng NCKH & ĐBCL là đầu mối tổng hợp và báo cáo về các ý kiến của HSSV về phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học, đồng thời phối hợp với các đơn vị có liên quan giải đáp những thắc mắc của các em.[7.4.02]

Danh sách người học hằng năm được cập nhật đầy đủ theo từng khoa, lớp cụ thể trên phần mềm quản lý đào tạo của trường Ngoài ra, để thu thập được ý kiến từ người học, danh sách số HSSV được thu thập ý kiến hằng năm cũng được cập nhật, xác nhận đầy đủ [7.4.03]

Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hằng năm được gửi đến toàn thể các đơn vị nhà trường và được lưu trữ theo quy trình. [7.4.04]

Thông qua kết quả khảo sát để lãnh đạo đơn vị có những tham mưu, kế hoạch điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đồng thời có những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Bên cạnh đó, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang phối hợp với các đơn vị trong nhà trường và ban Giám hiệu Tổ chức đối thoại với HSSV.

Như vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo chương trình nghề may thời trangphối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát dưới nhiều hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. Bên cạnh đó, Khoa vẫn còn thụ động, phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động của các đơn vị trong nhà trường.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường lựa chọn nghề may thời trang là 1 trong 4 ngành trọng điểm để triển khai Tự đánh giá theo quy định của Bộ lao động Thương Binh và Xã hội, với sự phối hợp của tất cả các đơn vị trong nhà trường. Đồng thời, phòng QLKH & ĐBCL là đầu mối, tham mưu cho nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể Tự đánh giá chương trình triển khai trong hoạt động của nhà trường [7.5.01]. Bên cạnh đó thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020 để hỗ trợ thu thập các minh chứng cùng Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang triển khai hoạt động tự đánh giá chương trình theo quy định hiện hành [7.5.02].

Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo từng năm, công khai trước tập thể CB\_ GV khoa và nhà trường. Khoa tổ chức họp triển khai đến toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên khoa; đồng thời, tổ chức lấy ý kiến toàn bộ CB- GV và người sử dụng lao động, cựu HSSV của khoa [7.5.03]

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã có kế hoạch thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường cụ thể: Cuối khóa đưa người học đi thực tập tại các doanh nghiệp và được bố trí vào các dây chuyền sản xuất thông qua đó đánh giá chất lượng đào tạo về khả năng thích ứng của họ với thực tiễn sản xuất đồng thời đi khảo sát nhiều doanh nghiệp trong khu vực về HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra có đáp ứng được các công việc và yêu cầu của doanh nghiệp không để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp.[7.6.01].

Qua khảo sát về cơ bản HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Kết quả thể hiện trong báo cáo đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo từng năm [7.6.02]. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp. Trường cũng đã từng bước xây dựng các phiếu hỏi phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường, xây dựng các phiếu góp ý của các doanh nghiệp sử dụng lao động

Từ các giải pháp trên trường đã xây dựng các kế hoạch, chiến lược điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các hoạt động đào tạo của trường được triển khai với mục tiêu nhằm đáp ứng các yêu cầu nguồn nhân lực của ngành và các thành phần kinh tế.

Tuy nhiên việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo từ phía doanh nghiệp sử dụng lao động chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống.

Từ năm học tiếp theo nhà trường sẽ triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.**

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, công tác xét tốt nghiệp của nhà trường đều tổ chức một cách nghiêm ngặt theo quy định và quy trình. Nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người tốt nghiệp hàng năm [7.7.01]

Sự phối kết hợp giữa nhà trường với xã hội đã tạo nên sức mạnh cho nhà trường trong lĩnh vực GD&ĐT thông qua hội thảo giao lưu để nắm bắt và thống kê được dữ liệu về hoạt động đào tạo và số lượng học sinh - sinh viên tốt nghiệp ra trường để có cơ

sở đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu người học và xã hội yêu cầu. Vì vậy Nhà trường có Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp để tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [7.7.02]

Việc khảo sát đánh giá mới chỉ thực hiện bằng hình thức thông qua các diễn đàn hội nghị giao lưu với các doanh nghiệp trường đã nắm bắt được số HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra trường đều được bố trí đúng với chuyên môn được đào tạo. Sau khi thực hiện khảo sát cựu HSSV các phòng chức năng đều báo cáo kết quả khảo sát gửi về Ban giám Hiệu nhà trường, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang nhằm đánh giá tỷ lệ SV có việc làm phù hợp sau khi ra trường.

Qua kết quả cho thấy, SV nghề may thời trang phần lớn tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

Tuy nhiên Nhà trường chưa triển khai được việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của HSSV khi ra trường một cách đầy đủ và hệ thống.

Hàng năm cần xây dựng kế hoạch khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

Bên cạnh đó thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.**

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, Trung tâm Hợp tác quan hệ doanh nghiệp tham mưu cho nhà trường kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Việc khảo sát các doanh nghiệp đánh giá hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp nghề may Thời trang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động bằng nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu trực tiếp thông qua lãnh đạo đơn vị thu thập trong các buổi Họp Khoa, thực tập thực hành tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, qua các kỳ thực tập của sinh viên, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang đã gửi phiếu khảo sát qua các em HSSV đến doanh nghiệp và thu về theo kế hoạch đào tạo [7.8.01]

Các phiếu khảo sát được tập hợp để đánh giá mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Kết quả 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với

kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Hiện nay, Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Quan hệ doanh nghiệp vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khảo sát hàng năm.

Từ việc khảo sát doanh nghiệp mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm, từ đó giúp Khoa Công nghệ May và Thiết kế thời trang có thêm kênh thông tin hiệu chỉnh chương trình đào tạo phù hợp, bổ sung những kiến thức, kỹ năng, năng lực người học để khi sinh viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng chất lượng của doanh nghiệp.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm***

### **PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Với phương châm “Đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển bền vững” và thực hiện chủ trương đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định xác định chính sách nâng cao chất lượng đối với nghề May thời trang như sau:

- Thực hiện thành công sứ mạng của nhà trường, xây dựng Nhà trường trở thành một cơ sở đào tạo năng động trong lĩnh vực may mặc, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và khu vực theo hướng hội nhập quốc tế trên nền tảng lấy người học làm trung tâm, lấy chất lượng đào tạo làm cốt lõi, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm mục tiêu, lấy xu thế thời đại để định hướng tiếp cận.

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo và tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Không ngừng cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng, phấn đấu đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế.

## **PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đề xuất**

- Để chất lượng chương trình đào tạo có hiệu quả cao, hàng năm phải được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế phát triển của xã hội.

- Để đánh giá có hiệu quả chất lượng chương trình đào tạo cần cập nhật bộ công cụ và phương pháp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn chương trình đào tạo tiên tiến.

### **2. Khuyến nghị**

- Hàng năm được cử cán bộ tham gia đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các đoàn tham quan khảo sát tiếp cận các khu công nghiệp trong tỉnh, trong nước, quốc tế tạo điều kiện cho nhà trường định hướng xây dựng chương trình đào tạo tốt hơn.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường còn hạn hẹp rất mong được sự quan tâm của Sở Lao động Thương binh - Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động Thương binh – Xã hội cho trường được tiếp cận các nguồn kinh phí, dự án để thực hiện công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

*Nam Định, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

**Hiệu trưởng**

*(Đã kí)*

**TS. Nguyễn Duy Phấn**



## PHỤ LỤC

### 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 617 /QĐ-CĐCNNĐ

Nam Định, ngày 20 tháng 7 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường Cao đẳng theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh - Xã hội;

Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-CĐCNNĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2020 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2020 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh - Xã hội.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc Hiệu trưởng và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLKH&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

**TS. Nguyễn Duy Phấn**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ MAY THỜI TRANG BẬC CAO ĐẲNG**  
**NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 617 ngày 20 tháng 7 năm 2020)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1.	Ông Nguyễn Duy Phấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2.	Bà Nguyễn Thị Hồng Châm	Trưởng khoa Công nghệ May TT	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Ông Hoàng Văn Chính	Trưởng phòng QLKH&ĐBCL	Thư ký
4.	Ông Bùi Tiến Dũng	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên HĐ
5.	Ông Doãn Minh Toàn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên HĐ
6.	Bà Nguyễn T.Thúy Nga	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Ủy viên HĐ
7.	Ông Lê Sơn Hải	Trưởng phòng Quản trị vật tư	Ủy viên HĐ
8.	Bà Bùi Thị Hợi	Giám đốc Công ty may Sông Hồng 3	Ủy viên HĐ
9.	Bà Vũ Thị Chúc	Phó trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần may Nam Hà	Ủy viên HĐ

*(Danh sách gồm có 09 người)*

## 2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP  
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 281/KH-CĐCNNĐ

Nam Định, ngày 10 tháng 6 năm 2020

### KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
ngành May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo trong từng giai đoạn và làm cơ sở báo cáo hàng năm Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

Là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

### 2. Yêu cầu.

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

## II. NỘI DUNG

### 1. Tiến độ thực hiện.

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 08/06/2020 đến 19/06/2020	- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng; - Ra quyết định thành lập Hội đồng; Ban thư ký; Các nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá chất lượng chương trình đào	- Hiệu trưởng - Phòng QLKH&ĐBCL

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
	tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng;	
Từ 22/06/2020 đến 03/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang, trình độ Cao đẳng</li> <li>+ Quán triệt mục đích, yêu cầu về công tác tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo</li> <li>+ Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng</li> <li>+ Triển khai kế hoạch thực hiện</li> <li>- Hội các nhóm công tác chuyên trách</li> <li>+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm</li> <li>+ Triển khai nội dung các bước thực hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng TĐG</li> <li>- Phòng QLKH&amp;ĐBCL</li> <li>- Thành viên các nhóm công tác chuyên trách</li> </ul>
Từ 06/07/2020 đến 30/10/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai thực hiện kế hoạch</li> <li>+ Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhóm công tác chuyên trách</li> <li>+ Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá</li> <li>- Thu thập thông tin minh chứng</li> <li>- Mã hóa các thông tin minh chứng</li> <li>- Mô tả thông tin minh chứng thu thập được</li> <li>- Phân tích, lý giải các kết quả đạt được</li> <li>- Đánh giá xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.</li> <li>- Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và gửi kết quả về Ban thư ký</li> </ul>	<p>Các nhóm công tác chuyên trách</p>
Từ 02/11/2020 đến 06/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần)</li> <li>- Các cuộc họp bổ sung (nếu cần)</li> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo</li> <li>- Dự thảo Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm công tác chuyên trách</li> <li>- Thư ký hội đồng</li> <li>- Phòng QLKH&amp;ĐBCL</li> </ul>
Từ 09/11/2020 đến 20/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi Báo cáo dự thảo đến các thành viên Hội đồng.</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá họp với các nhóm công tác chuyên trách để thảo luận về báo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng QLKH&amp;ĐBCL</li> <li>- Hội đồng TĐG</li> </ul>

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	cáo tự đánh giá, đóng góp các ý kiến để hoàn thiện bản dự thảo Báo cáo.	- Thành viên các nhóm công tác chuyên trách
Từ 23/11/2020 đến 27/11/2020	- Các nhóm tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo theo ý kiến nhận xét, đánh giá của hội đồng. - Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình về Ban thư ký trước 15h ngày 27/11/2020 gồm 01 bản cứng và 01 bản mềm	- Các nhóm chuyên trách - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 30/11/2020 đến 04/12/2020	- Họp hội đồng tự đánh giá thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa. - Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.	- Hội đồng TĐG - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 07/12/2020 đến 18/12/2020	- Họp công bố bản báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo với các thành viên Hội đồng, trưởng các đơn vị và đăng tải Website nhà trường - Lưu trữ báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo - Nộp kết quả báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Cục Kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.	- Ban thư ký - Phòng QLKH&ĐBCL

## 2. Phân công thực hiện

<b>TT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Nhóm chịu trách nhiệm</b>	<b>Thời gian thu thập thông tin và minh chứng, viết báo cáo theo tiêu chí, tiêu chuẩn</b>
1	Phần I; phần II mục 1; phần III và phần IV của Báo cáo	Ban thư ký	Từ 06/07/2020 đến 30/10/2020
2	- Tiêu chí 1, 3, 6 (15 tiêu chuẩn)	Nhóm 1	
3	- Tiêu chí 2, 4 (19 tiêu chuẩn)	Nhóm 2	
4	- Tiêu chí 5, 7 (16 tiêu chuẩn)	Nhóm 3	

**Ghi chú:** Các biểu mẫu báo cáo trong Phụ lục 04 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## 3. Dự trù kinh phí

a. Chi họp Hội đồng tự đánh giá:

15 x 100.000đ / người x 3 phiên = 4.500.000 đồng

b. Thu thập số liệu, mô tả, phân tích thông tin minh chứng, mã hóa các minh chứng, viết báo cáo các tiêu chuẩn của 07 tiêu chí:

100.000đ / tiêu chuẩn x 50 tiêu chuẩn = 5.000.000 đồng

c. Thu thập số liệu, mã hóa các minh chứng, viết phần I, phần II mục 1, phần III và phần IV

150.000 đ x 10 mục = 1.500.000 đồng

d. Vật tư, văn phòng phẩm: 1.400.000 đồng

Trong đó: - Phục vụ công tác tự đánh giá của các nhóm:  
300.000đ x 3 nhóm = 900.000 đồng  
- Tổng hợp, in quyền báo cáo: 500.000 đồng

e. Đóng góp ý kiến của chuyên gia:

500.000đ x 2 phiếu = 1.000.000 đồng

f. Chi cho các cá nhân đi điều tra khảo sát thông tin:

Thanh toán theo Quy chế chi tiêu nhà trường năm 2020 về chế độ công tác phí

**TỔNG CỘNG: a+b+c+d+e = 13.400.000 đồng**

*(Mười ba triệu, bốn trăm ngàn đồng)*

#### **4. Công cụ tự đánh giá**

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐ ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **5. Tổ chức thực hiện**

##### **5.1. Phòng QLKH&ĐBCL**

- Lập kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Cao đẳng của trường.

- Gửi các tài liệu liên quan đến công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho các nhóm công tác chuyên trách.

- Tổ chức, hướng dẫn các nhóm công tác chuyên trách thu thập thông tin, minh chứng và phân tích, đánh giá tiêu chí, mã hóa minh chứng (nếu cần)

- Lưu trữ các thông tin, minh chứng và các phiếu đánh giá tiêu chí do các nhóm công tác chuyên trách thực hiện để có căn cứ làm báo cáo tự đánh giá.

- Tổng hợp hoàn thiện báo cáo tự đánh giá

- Nộp kết quả báo cáo tự đánh giá lên Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

##### **5.2. Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm**

- Có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu, minh chứng theo yêu cầu của Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đúng thời gian theo kế hoạch.

##### **5.3. Các nhóm công tác chuyên trách**

- Triển khai các nhiệm vụ theo đúng tiến độ của Kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Thu thập thông tin, minh chứng, phân tích, xử lý các thông tin minh chứng theo nhóm mình phụ trách.

- Đánh giá các tiêu chuẩn của tiêu chí và tổng hợp báo cáo theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Mã hóa các thông tin minh chứng thu được.

- Sau khi hoàn thành các nội dung đã được phân công các nhóm nộp sản phẩm về phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng gồm: 01 bản cứng và 01 bản mềm./.

***Nơi nhận:***

- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, QLKH&ĐBCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**TS. Nguyễn Duy Phấn**

### 3. Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1.1	1.1.01		Chương trình đào tạo nghề May thời trang ban hành theo QĐ số 481/QĐ- CĐCNNĐ ngày 27/6/2017 của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định Chương trình đào tạo nghề May thời trang ban hành theo QĐ số 828/QĐ- CĐCNNĐ ngày 9/10/2018 của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định Chương trình đào tạo nghề May thời trang ban hành theo QĐ số 757/QĐ- CĐCNNĐ ngày 25/09/2019 của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định
2.			1.1.02		Mục tiêu đào tạo của trường
3.			1.1.03		Chuẩn đầu ra nghề may thời trang
4.			1.1.04		Hợp đồng vv tiếp nhận SV đi thực tập tại doanh nghiệp số 01/HĐ-CĐCNNĐ ngày 13/2/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và giám đốc công ty may Nam Hà; Hợp đồng vv tiếp nhận SV đi thực tập tại doanh nghiệp số 19/HĐ-CĐCNNĐ ngày 20/2/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và TGD công ty TNHH Enter.B Nam Định; Hợp đồng vv tiếp nhận SV đi thực tập tại doanh nghiệp số 03a/HĐ-CĐCNNĐ ngày 10/1/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và CTHDDQT công ty CP DAUM&JUNGAN; Hợp đồng vv tiếp nhận SV đi thực tập tại doanh nghiệp số 13a/HĐ-CĐCNNĐ ngày 28/2/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và TGD công ty TNHH Enter.B Nam Định; Hợp đồng vv tiếp nhận SV trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp số 14a/HĐ-CĐCNNĐ ngày 01/3/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và giám đốc công ty may Nam Hà; Hợp đồng vv tiếp nhận SV trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp số 10÷12/HĐ-CĐCNNĐ ngày 22/2/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ và giám đốc công ty may Nam Hà;
5.			1.1.05		Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng ; Số 313/KH-CĐCNNĐ ngày 24/4/2017; của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng ; Số 660/KH-CĐCNNĐ ngày 22/8/2017; của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định
6.			1.1.06		Kế hoạch xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành/ nghề đào tạo số 716/KH-CĐCNNĐ ngày 10/9/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ.



Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định thành lập hội đồng thẩm định Chuẩn đầu ra số 962/ QĐ-CĐCNND ngày 22/11/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNND. Quyết định ban hành chuẩn đầu ra số 08/QĐ-CĐCNND ngày 9/1/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNND;
7.			1.1.07		Quyết định vv thành lập ban chỉ đạo xây dựng và chuyển đổi chương trình đào tạo số 279/QĐ-CĐCNND ngày 14/4/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cấp trường số 334/QĐ-CĐCNND ngày 28/4/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cấp khoa số 335/QĐ-CĐCNND ngày 28/4/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định thành lập ban biên soạn chương trình đào tạo khoá 58 số 336/QĐ-CĐCNND ngày 28/4/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo số 765a/QĐ-CĐCNND ngày 21/9/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo số 676a/QĐ-CĐCNND ngày 28/8/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐ CN Nam Định
8.			1.1.08		Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng năm học 2017 -2018 số 481/QĐ- CĐCNND ngày 27/6/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng năm học 2018 -2019 số 828/QĐ- CĐCNND ngày 9/10/2018 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNND; Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng năm học 2019 -2020 số 757/QĐ- CĐCNND ngày 25/9/2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNND;
9.		1.2	1.2.01		Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trung CĐCNND số 1914/QĐ-CĐCNND ngày 28/12/2012 của Hiệu trưởng trường CĐCNND;
10.			1.2.02		Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ Khoa năm học 2018- 2019, 2019-2020; của Trưởng khoa CN May & TKTT Báo cáo kết quả hoạt động năm học 2018- 2019 và phương hướng nhiệm vụ NH 2019-2020 số 627/BC-CĐCNND ngày 15/8/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNND
11.			1.2.03		Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020 Kế hoạch đào tạo các lớp khóa 59 của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định Kế hoạch đào tạo các lớp khóa 60 của Hiệu trưởng trường CĐ CN Nam Định
12.			1.2.04		Quyết định quy chế đào tạo Cao đẳng theo học chế tín chỉ số 345/QĐ-CĐCNND ngày 16/4/2013 của Hiệu trưởng trường CĐCNND;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định quy chế đào tạo Cao đẳng theo niên chế số 105/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/2/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
13.			1.2.05		Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2017- 2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2018- 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2019- 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
14.			1.2.06		Kê hoạch tham dự hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh năm 2020 số 320/KH-CĐCNNĐ ngày 23/6/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
15.			1.2.07	1.2.02	
16.			1.2.08		Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2017-2018 số 601/QĐ-CĐCNNĐ ngày 24/7/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến NH 2017-2018 số 603a, 604a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 24/7/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; QĐ vv tặng thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” số 3019/QĐ-BCT ngày 07/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; QĐ vv tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ Công thương số 3844/QĐ-BCT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến NH 2018-2019 số 565/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23/7/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2018-2019 số 566/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23/7/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc NH 2018-2019 số 568/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23/7/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; QĐ vv thưởng cho các cá nhân được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” số 957/QĐ-CĐCNNĐ ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2019-2020 số 724/QĐ-CĐCNNĐ ngày 27/8/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định vv công nhận và khen thưởng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc NH 2019-2020 số 726/QĐ-CĐCNNĐ ngày 27/8/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
17.			1.2.09		Quyết định về việc xếp loại lao động đối với công chức viên chức số 265/QĐ-CĐCNNĐ ngày 21/4/2015 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
18.			1.2.10		Giấy chứng nhận Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp – Số 09b/2017/GCNĐKBS-TCĐN Ngày 08/08/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề; Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp – Số 74/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN Ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề; Giấy chứng nhận Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp – Số 74a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN Ngày 29/06/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục dạy nghề;
19.		1.3	1.3.01		Quyết định vv điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2017 số 4662/QĐ-BCT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Quyết định vv giao bổ sung và điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2018 số 4752/QĐ-BCT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; QĐ vv giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 số 5008/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
20.			1.3.02		TB xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2017 số 421/TB-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của P.Vụ trưởng vụ tài chính và đổi mới doanh nghiệp; TB xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018 số 252/TB-BCT ngày 26 tháng 9 năm 2019 của P.Vụ trưởng vụ tài chính và đổi mới doanh nghiệp; Thông báo kết quả kiểm toán tại trường CĐCNNĐ số 934/TB-KTNN ngày 13/11/2019 của Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II BB xét duyệt/ thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ, kế toán trưởng, đại diện vụ tài chính và đổi mới doanh nghiệp;
21.			1.3.03		Bản tổng hợp dự trù vật tư của khoa tháng 12 năm 2017 và năm 2019, Phòng QTVT
22.			1.3.04	1.1.04	
23.			1.3.05		Quyết định thu học phí năm học 2017-2018 số 391/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/5/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định thu học phí năm học 2018-2019 số 381/QĐ-CĐCNNĐ ngày 12/6/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định thu học phí năm học 2019-2020 số 388/QĐ-CĐCNNĐ ngày 19/6/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ.
24.			1.3.06		- QĐ v/v cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng “Nghệ thuật quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” – Số 690/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 03/09/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐ CN Nam Định - QĐ v/v cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng tại CHLB Đức – Số 315,316,317/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 15/05/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐ CN Nam Định - QĐ v/v cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề May công nghiệp – Số 326/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 20/05/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐ CN Nam Định

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ v/v cử cán bộ tham dự lớp tập huấn về quy trình/công cụ “Nguyên lý và phương thức thiết kế chuẩn đầu ra” – Số 308/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 22/06/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>- QĐ v/v cử cán bộ, giảng viên tham gia khóa đào tạo “Người Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” – Số 646/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 28/07/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ</li> </ul>
25.	2	1	2.1.01		<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy chế tuyển sinh năm 2018 của Trường CĐCN Nam Định- Số 350/QĐ - CĐCNNĐ Ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>Quy chế tuyển sinh năm 2019 của Trường CĐCN Nam Định- Số 244/QĐ - CĐCNNĐ Ngày 17/4/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>Quy chế tuyển sinh năm 2019 của Trường CĐCN Nam Định- Số 269/QĐ - CĐCNNĐ Ngày 03/6/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ.</li> </ul>
26.			2.1.02		<ul style="list-style-type: none"> <li>Văn bản v/v đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018- Số 130/CĐCNNĐ - ĐT ngày 07/03/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>Văn bản v/v đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019- Số 350/CĐCNNĐ-ĐT ngày 77/05/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>Thông tin tuyển sinh năm 2020 kèm theo QĐ 269/QĐ-CĐCNNĐ ngày 3/6/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ.</li> </ul>
27.			2.1.03		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tuyển sinh năm 2017 (Khóa 58) QĐ số 176/KH- CĐCNNĐ ngày 20/3/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký;</li> <li>- Kế hoạch tuyển sinh năm 2018 (Khóa 59) Số 317/KH- CĐCNNĐ ngày 22/5/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;</li> <li>- Kế hoạch Tuyển sinh năm 2019 (khóa 60) Số 228a/KH - CĐCNNĐ ngày 16/04/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký</li> <li>- Kế hoạch tuyển sinh tại cơ sở năm 2017 - QĐ số 326/KH- CĐCNNĐ ngày 25/4/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký</li> <li>- Kế hoạch tuyển sinh tại cơ sở năm 2018- QĐ số 403/KH-CĐCNNĐ ngày 18/6/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh- Hiệu trưởng nhà trường đã ký</li> <li>- Kế hoạch tuyển sinh tại cơ sở năm 2019 (Khóa 60) QĐ số 237/KH- CĐCNNĐ ngày 16/4/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách nhà trường đã ký</li> <li>- Kế hoạch tuyển sinh tại cơ sở năm 2019 (đợt 2) – QĐ số 281/KH-CĐCNNĐ ngày 06/05/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách nhà trường đã ký</li> </ul>
28.			2.1.04		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo tuyển sinh trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2018 Ngày 16/07/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh- Hiệu trưởng nhà trường đã ký</li> <li>- Thông báo tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm 2019 Ngày 16/04/2019 do Chủ tịch HĐTS nhà trường - Hiệu trưởng nhà trường đã ký</li> </ul>

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
29.			2.1.05		- Thông báo tuyển sinh Liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng ngành Công nghệ may năm 2017- Ngày 29/5/2017 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã kí - Thông báo tuyển sinh liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng năm 2019 Ngày 20/03/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã ký - Thông báo tuyển sinh từ trung cấp lên Cao đẳng, năm 2019 Ngày 08/05/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách trường đã ký
30.			2.1.06		- Phiếu đăng ký xét tuyển năm 2017, 2018, 2019
31.			2.1.07		- QĐ v/v thành lập HĐTS Trường CĐCNĐ năm 2017 số 196/QĐ - CĐCNĐ ngày 24/3/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v thành lập HĐTS trường CĐCNĐ năm 2018- Số 318/QĐ - CĐCNĐ Ngày 22/05/2018 do Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v thành lập HĐTS trường CĐCNĐ năm 2019- Số 238/QĐ-CĐCNĐ Ngày 16/04/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
32.			2.1.08		- QĐ v/v thành lập Ban thư ký HĐTS Trường CĐCNĐ năm 2017 số 197/QĐ- CĐCNĐ ngày 24/3/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v thành lập ban thư ký HĐTS trường CĐCNĐ năm 2019- Số 239/QĐ-CĐCNĐ Ngày 17/04/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
33.			2.1.09		- QĐ v/v thành lập Ban Cơ sở vật chất phục vụ tuyển sinh Trường CĐCNĐ năm 2017 số 198/QĐ - CĐCNĐ ngày 24/3/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v thành lập ban cơ sở vật chất phục vụ tuyển sinh năm 2019- Số 240/QĐ-CĐCNĐ Ngày 17/04/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
34.			2.1.10		- QĐ v/v thành lập ban phúc tra tuyển sinh Trường CĐCNĐ năm 2017 số 199/QĐ- CĐCNĐ ngày 24/3/2017 Chủ tịch HĐTS Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v thành lập ban phúc tra tuyển sinh năm 2019- Số 241/QĐ-CĐCNĐ Ngày 17/04/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách nhà trường đã ký
35.			2.1.11		- QĐ v/v điều chỉnh danh sách HĐTS trường CĐCNĐ năm 2018- Số 877/QĐ-CĐCNĐ Ngày 22/10/2018 do Hiệu trưởng nhà trường đã ký - QĐ v/v điều chỉnh danh sách HĐTS trường CĐCNĐ năm 2019- Số 260/QĐ-CĐCNĐ Ngày 03/05/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách nhà trường đã ký
36.			2.1.12		- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc Cao đẳng năm 2017 - số 727a/QĐ- CĐCNĐ Ngày 04/08/2017 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc Cao đẳng năm 2017( Xét học bạ THPT- đợt 2) - số 939/QĐ- CĐCNNĐ Ngày 10/10/2017 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc CĐ năm 2018 - Số 631/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 09/08/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc CĐ năm 2018(đợt 2) - Số 907/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 26/10/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc CĐ năm 2019 (Đợt1) - Số 591a /QĐ-CĐCNNĐ Ngày 02/08/2019 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc CĐ năm 2019 (Đợt 2) - Số 833/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 14/10/2019 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> </ul>
37.			2.1.13		<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc Cđ liên thông năm 2018 - Số 825/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 09/10/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> <li>- QĐ v/v công nhận trúng tuyển bậc liên thông từ TC lên Cao đẳng năm 2019 (Đợt1) - Số 598a /QĐ-CĐCNNĐ Ngày 05/08/2019 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký</li> </ul>
38.			2.1.14		<ul style="list-style-type: none"> <li>QĐ v/v thành lập các lớp Cao đẳng khóa 58 - số 826/QĐ- CĐCNNĐ Ngày 01/09/2017 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> <li>QĐ v/v thành lập các lớp Cao đẳng khóa 59 - Số 666/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 21/08/2018 do Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> <li>QĐ v/v thành lập các lớp Cao đẳng khóa 60 - Số 651/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 21/08/2019 do Phó hiệu trưởng phụ trách trường đã ký</li> </ul>
39.			2.1.15		<ul style="list-style-type: none"> <li>QĐ v/v thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa 59 - Số 831/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 10/10/2018 do Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> <li>QĐ v/v thành lập các lớp Cao đẳng liên thông khóa 60 - Số 652/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 21/08/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách trường đã ký</li> </ul>
40.			2.1.16		<ul style="list-style-type: none"> <li>QĐ v/v bổ sung sinh viên vào các lớp Cao đẳng khóa 59 - Số 908/QĐ-CĐCNNĐ Ngày 29/10/2018 do Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã ký</li> </ul>
41.			2.1.17		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2017-2018 Số 1987/ KH-CĐCNNĐ- QLKH&amp;ĐBCL Ngày 10/8/2017 do Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã kí</li> <li>- Kế hoạch Công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I năm học 2018-2019 Số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH&amp;ĐBCL Ngày 27/08/2018 do Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã ký</li> <li>- Kế hoạch Công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ II năm học 2018-2019 Số 145/KH-CĐCNNĐ-QLKH&amp;ĐBCL Ngày 07/03/2019 do Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã ký</li> </ul>

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
42.			2.1.18		- Đánh giá công tác tuyển sinh 2017 và triển khai công tác tuyển sinh 2018 số 395/KH-CĐCNNĐ Ngày 28/05/2018 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký - Đánh giá công tác tuyển sinh năm 2018 và triển khai công tác tuyển sinh năm 2019- Số 267/KH-CĐCNNĐ Ngày 04/05/2019 do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh đã ký
43.			2.1.19		- Báo cáo v/v báo cáo thống kê Giáo dục- Đào tạo Số 25/BC-CĐCNNĐ-ĐT Ngày 10/01/2018 do Hiệu trưởng nhà trường đã kí BC thống kê định kỳ 6 tháng đầu năm về GDNN số 398/BC-CĐCNNĐ-ĐT ngày 25/6/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ; BC kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2019-2020 số 552 ngày 16/7/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ; - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019 Số 627/BC-CĐCNNĐ Ngày 15/08/2019 do Phó Hiệu trưởng phụ trách nhà trường đã ký
44.		2	2.2.01	1.2.03	
45.			2.2.02	1.3.06	
46.			2.2.03	2.1.18	
47.			2.2.04	2.1.19	
48.		3	3.1.01	1.2.03	
49.			3.1.02	2.1.19	
50.			3.1.03	2.1.18	
51.			3.1.04	2.2.02	
52.		4	2.4.01	1.1.04	
53.			2.4.02	1.2.03	
54.			2.4.03		- QĐ vv cử giảng viên quản lý học sinh TT nâng cao số 116/QĐ-CĐCNNĐ ngày 28/02/2018 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ - Quyết định vv cử giảng viên quản lý, hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp số 96÷98/QĐ-CĐCNNĐ ngày 22/2/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ - QĐ vv cử giảng viên quản lý, hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp số 735a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 23 tháng 09 năm 2019 do Phó Hiệu Trưởng phụ trách Trường CĐCNNĐ đã ký - QĐ vv cử giảng viên giảng dạy, quản lý học thực hành tại doanh nghiệp số 467/QĐ-CĐCNNĐ ngày 29/6/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ.
55.			2.4.04		- Danh sách 45 SV Lớp CD56CM2, CD56TT thực tập tốt nghiệp tại Công ty Cổ phần may Nam Hà, TP Nam Định

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách 40 SV Lớp CD56CM1 thực tập tốt nghiệp tại Công ty Cổ phần Daum và Jung an Đ/C: Km5, thôn 4, Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định</li> <li>- Danh sách 30 SV Lớp CD57CM1 và CD57CM2 thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH Enter.B Nam Định Đ/C: xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản ND</li> <li>- Danh sách 25 SV Lớp CD57CM1 và CD57CM2 thực tập tốt nghiệp tại Công ty CP May Nam Hà đường Trường Chinh TP Nam Định</li> <li>- Danh sách 20 SV Lớp CD57CM1,2 và CD57TT thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH May T&amp; C Đ/c: xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, Nam Định</li> <li>- Danh sách 37 SV Lớp CD58MF thực tập tốt nghiệp tại Công ty CP may Sông Hồng Nam Định</li> </ul>
56.			2.4.05		- QĐ về việc công nhận và xếp loại tốt nghiệp cho sinh viên Cao đẳng khoá 58 và liên thông khoá 59 số 1116/QĐ-CĐCNNĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký
57.	5	2.5.01			<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 1249 /QĐ-CĐCNNĐ về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên hệ chính quy Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định ngày 21 tháng 12 năm 2017 do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký</li> <li>- QĐ số 105 /QĐ-CĐCNNĐ Quyết định về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Công Nghiệp Nam Định” ngày 26 tháng 02 năm 2017 do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký</li> <li>- QĐ số 349 /QĐ-CĐCNNĐ quyết định về việc ban hành “Quy chế quy định về sử dụng phôi bằng, tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ; in, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định” ngày 21 tháng 12 năm 2017 do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký</li> </ul>
58.			2.5.02		- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 989/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/12/2019, Trường CĐCNNĐ do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký
59.			2.5.03		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công nhận tốt nghiệp, Số 519/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/7/2019, Trường CĐCNNĐ do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký</li> <li>- QĐ công nhận và xếp loại tốt nghiệp số 1116/QĐ-CĐCNNĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 do Hiệu Trưởng Trường CĐCNNĐ đã ký</li> </ul>
60.			2.5.04	2.1.19	
61.	6	2.6.01			<ul style="list-style-type: none"> <li>- QĐ số 1987/KH-CĐCNNĐ-QLKH và ĐBCL kế hoạch Công tác thanh tra, kiểm tra học năm học 2017-2018 ngày 10 tháng 08 năm 2017 do Phó Hiệu Trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> <li>- QĐ số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH và ĐBCL kế hoạch Công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ I năm học 2018-2019 ngày 27 tháng 08 năm 2018 do Phó Hiệu Trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> <li>- QĐ số 145/KH-CĐCNNĐ-QLKH và ĐBCL kế hoạch Công tác thanh tra, kiểm tra học kỳ II năm học 2018-2019 ngày 07 tháng 03 năm 2019 do Phó Hiệu Trưởng phụ trách đào tạo trường đã ký</li> </ul>



Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
62.			2.6.02		Thông báo số 07/TB- QLKH và ĐBCL thông báo V/v thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy ngày 19 tháng 08 năm 2019 do Trường phòng QLKH và ĐBCL Hoàng Văn Chính đã ký
63.			2.6.03		- Báo cáo nhanh công tác kiểm tra giảng dạy và học tập sau nghỉ hè, HK I năm học 2018-2019 ngày 14/8/2018 của trường phòng QLKH&ĐBCL - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ tháng 12 năm 2019 ngày 06/1/2020 của trường phòng QLKH&ĐBCL - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ tháng 07 năm 2020 ngày 10/8/2020 của trường phòng QLKH&ĐBCL
64.			2.6.04		- Báo cáo kết quả công tác thanh tra giáo dục năm 2017 đến tháng 7 năm 2019 ngày 10/9/2019 của trường phòng QLKH&ĐBCL
65.		7	2.7.01	2.1.01	
66.			2.7.02	2.1.06	
67.			2.7.03	2.1.13	
68.			2.7.04	2.1.15	
69.			2.7.05	1.2.10	
70.			2.7.06	2.1.19	
71.	3	3.1	3.1.01		Luật Giáo dục số 38/2005/QH ngày 14, tháng 6 năm 2005
72.			3.1.02		Thông tư Quy định điều lệ trường Cao đẳng ;số 46/2016/TT- BLĐT BXH,này 28 tháng 12 năm 2016
73.			3.1.03		Quyết định số 37/2013/ QĐ- TTg về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020
74.			3.1.04		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ ; số 552/BC- CĐCNNĐ ngày 16/7/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ.
75.			3.1.05		Trích ngang Tổng hợp văn bằng, chứng chỉ giáo viên khoa CN May TT -2017 Thống kê đội ngũ GV khoa CN May & TKTT tại thời điểm tháng 10/2020
76.			3.1.06		Danh sách trích ngang viên chức khoa CN may TT năm 2019,2020
77.			3.1.07	1.2.06	Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2017- 2018 Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2018- 2019 Kế hoạch phân công nhiệm vụ và khối lượng giảng dạy của giảng viên năm học 2019- 2020
78.		3.2	3.2.01	3.1.02	
79.			3.2.02		Quyết định về việc thành lập trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định; số 1339/QĐ- BGDĐT- TCCB,này 30/3/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
80.			3.2.03		Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCNĐ Số 9712/QĐ-BCT; ngày 19/12/2013 của Thứ trưởng Bộ Công Thương
81.			3.2.04		Quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo; Số 695/QĐ-CĐCNĐ, ngày 09/2/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ
82.			3.2.05		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018; Số 99/QĐ-CĐCNĐ, ngày 01/4/2018; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019; Số 68/QĐ-CĐCNĐ, ngày 22/01/2019; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; Số 39/QĐ-CĐCNĐ, ngày 20/01/2020; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ.
83.			3.2.06	1.2.05	
84.			3.2.07		Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2017; Ngày 11/01/2018; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2018; Ngày 17/01/2019; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2019; Ngày 14/02/2020; của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ
85.			3.2.08		Tổng hợp khối lượng giảng viên giảng dạy của khoa CN may Thời trang năm 2017-2018 Tổng hợp khối lượng giảng viên giảng dạy của khoa CN may Thời trang năm 2018-2019 Tổng hợp khối lượng giảng viên giảng dạy của khoa CN may Thời trang năm 2019-2020
86.			3.2.09	2.6.02	
87.			3.2.10		Phiếu lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hạt động GD của GV khoa CN May TT năm 2018÷2020
88.		3.3	3.3.01		Nghị định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; số 143/2016/NĐ- CP, ngày 14/10/2016
89.			3.3.02		Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN; số 07, 08/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017
90.			3.3.03	3.1.04	
91.			3.3.04		Báo cáo thống kê định kỳ về GDNN ; số 715/BC- CĐCNĐ- ĐT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ Báo cáo thống kê định kỳ về GD- ĐT ; số 25/BC- CĐCNĐ- ĐT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ Báo cáo thống kê định kỳ về GDNN ; số 398/BC- CĐCNĐ- ĐT ngày 25 tháng 6 năm 2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNĐ
92.			3.3.05		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ
93.		3.4	3.4.01		Danh sách cử đại biểu tham dự lớp tập huấn về quy trình /công cụ “ Nguyên lý thiết kế chuẩn đầu ra” ngày 15/06/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ
94.			3.4.02		Quyết định V/v cử cán bộ tham dự lớp tập huấn về quy trình /công cụ “ Nguyên lý và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra”, số 38/QĐ- CĐCNĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
95.			3.4.03		Quyết định V/v cử cán bộ tham dự lớp tập huấn “ Phương thức triển khai DACUM và hình thành chuẩn năng lực từ DACUM, số 483/QĐ- CĐCNNĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
96.			3.4.04		Các quyết định V/v cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại CHLB Đức; số 315, 316, 317/ QĐ- CĐCNNĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
97.			3.4.05		Bài báo “ Nghiên cứu đặc điểm đường sống lưng cơ thể nữ sinh viên trường CĐCNNĐ” đăng trên tạp chí Cơ khí Việt Nam số tháng 10/2016 của GV khoa CN may & TKTT
98.			3.4.06		Quyết định V/v thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo khoá 59; số 767a/ QĐ- CĐCNNĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2018 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ Quyết định V/v thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo khoá 60; số 673a/ QĐ- CĐCNNĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
99.			3.4.07		Biên bản thẩm định và nghiệm thu chương trình đào tạo khoa Công nghệ may TT khoá 59 ngày 01/11/2018 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ Biên bản thẩm định và nghiệm thu chương trình đào tạo khoa Công nghệ may TT khoá 60 ngày 20/9/2019 của trưởng khoa CN may TT Biên bản thẩm định và nghiệm thu chương trình đào tạo khoa Công nghệ may TT khoá 61 ngày 20/8/2020 của trưởng khoa CN may TT
100.			3.4.08		Bằng khen GV Phạm Lan Phương, đạt giải 3 cuộc thi GVDG hội thi Nhà giáo GDNN tỉnh Nam Định năm 2017
101.			3.4.09		Kế hoạch luyện thi tay nghề giỏi Bộ Công Thương năm 2018 ngày 26/2/2018 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ Kế hoạch bồi dưỡng, ôn luyện và dự thi tay nghề giỏi Bộ Công Thương năm 2018 số 1252/KH-CĐCNNĐ ngày 22/12/2017 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ Quyết định V/v thành lập ban chỉ đạo, ban huấn luyện HSSV tham dự hội thi tay nghề cấp bộ năm 2020 số 04/QĐ- CĐCNNĐ-ĐT ngày 7/1/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
102.		3.5	3.5.01	1.3.06	
103.			3.5.02	3.4.04	
104.			3.5.03		Quyết định cử giáo viên tham gia khoá đào tạo:” Người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động” của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
105.			3.5.04		Báo cáo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2016- 2020 số 265/BC-CĐCNNĐ-TCHC ngày 29/6/2016 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
106.			3.5.05		Quyết định công nhận trúng tuyển ĐH – CTVB2 ngành tiếng Anh , trường ĐHNN Hà nội, số 101/QĐ- ĐHNN ngày 24/4/2014 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN
107.		3.6	3.6.01	3.3.02	

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
108			3.6.02		Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN; số 06/2017/TT- BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ TB&XH
109			3.6.03	3.1.05	
110			3.6.04	2.4.03	
111			3.6.05		Quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các khoá đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may số 258/QĐ-CĐCNNĐ ngày 19/4/2018 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ Quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các khoá đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may số 275/QĐ-CĐCNNĐ ngày 06/5/2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ
112			3.6.06		Kế hoạch phân công giảng viên GD các chuyên đề nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may tại Hưng Yên ngày 11/5/2018 của P. Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trường CĐCNNĐ Kế hoạch phân công giảng viên GD các chuyên đề nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may tại Hà Nam ngày 16/5/2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ Kế hoạch phân công giảng viên GD các chuyên đề nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may tại Hưng Yên ngày 23/5/2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ Kế hoạch phân công giảng viên GD các chuyên đề nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nghề may tại Hưng Yên ngày 06/6/2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
113			3.6.07		Quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề may công nghiệp cho lao động nông thôn năm 2019 số 516/QĐ-CĐCNNĐ ngày 28/6/2019 của P. Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ Quyết định cử giảng viên tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề may công nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020 số 470/QĐ-CĐCNNĐ ngày 29/6/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
114			3.6.08		Lịch giảng dạy đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020
115		3.7	3.7.01	3.1.05	
116			3.7.02	3.1.01	
117			3.7.03	3.1.02	
118			3.7.04	3.1.03	
119			3.7.05	3.1.04	
120			3.7.06		Quyết định cử cán bộ giảng viên đi học lớp TCELLCT , số 80/QĐ- CĐCNNĐ ngày 25/2/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
121		8	3.8.01	3.1.05	
122			3.8.02	3.2.02	
123			3.8.03	3.2.03	

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
124			3.8.04		Biên bản bình xét thi đua khoa công nghệ may TT năm học 2018- 2019;2019- 2020
125			3.8.05	1.2.02	
126	4	1	4.1.01		Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT khóa 59, số 767a, Ngày 24/09/2018, Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đã ký Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT khóa 60, số 673a, Ngày 26/08/2019, Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
127			4.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp trường số 334, ngày 28/04/2017, Hiệu trưởng đã ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa số 335, ngày 28/04/2017, Hiệu trưởng đã ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT số 765a, ngày 21/09/2018, Hiệu trưởng đã ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa số 672a, ngày 26/08/2019, Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp trường số 676a, ngày 28/08/2019, Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
128			4.1.03		Biên bản nghiệm thu chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang, ngày 22/05/2017. Chủ tịch hội đồng nghiệm thu đã ký Biên bản nghiệm thu chương trình chi tiết hệ cao đẳng nghề may thời trang - khoa công nghệ may, ngày 31/10/2017. Trưởng khoa đã ký Biên bản nghiệm thu nội dung hiệu chỉnh chương trình tổng quát hệ cao đẳng nghề may thời trang khóa 59, ngày 01/11/2018. Chủ tịch hội đồng nghiệm thu đã ký
129			4.1.04		Quyết định ban hành CTĐT năm 2017 -2018 Trình độ Cao đẳng, Số 481, ngày 27/06/2017, Phó Hiệu trưởng đã ký Quyết định ban hành CTĐT năm 2018 -2019 Trình độ Cao đẳng, Số 828, ngày 09/10/2018, Phó Hiệu trưởng đã ký Quyết định ban hành CTĐT năm 2019 -2020 Trình độ Cao đẳng, Số 757, ngày 25/09/2019, Phó Hiệu trưởng phụ trách đã ký
130		2	4.2.01	4.1.02	
131			4.2.02	4.1.02	
132			4.2.03	4.1.03	
133			4.2.04	4.1.04	
134		3	4.3.01	4.1.04	
135		4	4.4.01	4.1.04	
136		5	4.5.01		- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng, ngày 30/12/2014 (nhà xưởng cơ khí và nhà xưởng may) - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng, ngày 16/12/2015 (tầng nhà học lý thuyết). - Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ, mô hình Khoa công nghệ thông tin ( phục vụ công tác học môn Tin học) - Biên bản giao nhận tài sản cố định phòng học ngoại ngữ A301 ngày 28/12/2018 - Các biên bản kiểm kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ, mô hình phòng học trực thuộc khoa CN may &TKTT ngày 01/1/2020 của tổ kiểm kê nhà trường.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
137			4.5.02	2.2.02	
138		6	4.6.01	4.1.04	
139		7	4.7.01	4.1.04	
140		8	4.8.01	4.1.04	
141		9	4.9.01	4.1.04	
142			4.9.02		Biên bản kiểm kê sách thư viện, ngày 01/01/2020, của tổ kiểm kê nhà trường
143			4.9.03		<ul style="list-style-type: none"> <li>- GT thiết kế trang phục 2. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: KS. Phan Thị Thu Hoài. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành: Công nghệ may</li> <li>- GT thiết kế trang phục 3. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: KS. Trần Thụy Liên. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành công nghệ may</li> <li>- GT công nghệ may 3. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: KS. Trần Thụy Liên. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành công nghệ may</li> <li>- GT công nghệ may 4. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: KS. Trần Thụy Liên. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành công nghệ may</li> <li>- GT mỹ thuật trang phục. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: Th.S. Vũ Thị Lan Hương. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành công nghệ may</li> <li>- GT thiết kế giác sơ đồ trên máy tính. Năm biên soạn 2015. Chủ biên: Th.S. Tạ Thị Ga. Dùng cho đào tạo cao đẳng. Chuyên ngành công nghệ may</li> </ul>
144		10	4.10.01	4.9.03	
145			4.10.02	4.9.02	
146			4.10.03	4.1.04	
147		11	4.11.01	4.1.04	
148			4.11.02	4.9.02	
149			4.11.03	4.9.03	
150		12	4.12.01	4.1.04	
151			4.12.02	4.9.02	
152			4.12.03	4.1.02	
153	5	1	5.1.01	4.5.01	
154			5.1.02		Bảng danh mục, thông số kỹ thuật của hàng hóa bàn giao (kèm theo Biên bản bàn giao thiết bị số 190/BGTB ngày 19/10/2017); Danh mục hàng hóa bàn giao (kèm theo Biên bản bàn giao 86/BBBG ngày 16/12/2019)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
155			5.1.03		Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp
156			5.1.04		Quy định về phòng cháy và chữa cháy của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định Số 280/QĐ/PCCC CĐCNNĐ ngày 06/05/2019 V/v Ban hành
157			5.1.05		Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày toàn dân PCCC” và “Tháng an toàn PCCC” năm 2017 Số 944/KH-CĐCNNĐ, ngày 12/10/2017
158			5.1.06	1.2.01	
159		2	5.2.01		- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 100/HĐMB, ngày 5/9/2011, Hiệu trưởng đã ký - Hợp đồng kinh tế: Hợp đồng số 411/HĐKT, ngày 08/10/2012, Hiệu Trưởng đã ký - Hợp đồng kinh tế: Hợp đồng số 297/ HĐ-CĐCNNĐ, ngày 09/09/2013, Hiệu Trưởng đã ký - Hợp đồng kinh tế: Hợp đồng số 190/ HĐKT/CĐCNNĐ-NEWTOP, ngày 12/09/2017, Hiệu Trưởng đã ký - Hợp đồng kinh tế: Hợp đồng số 86/ HĐKT/CĐCNNĐ-TL, ngày 30/08/2019, Phó Hiệu Trưởng phụ trách đã ký
160			5.2.02		- Biên bản nghiệm thu, bàn giao thiết bị (căn cứ hợp đồng số 411/HĐKT), ngày 06/11/2012, Trưởng phòng QTVT đã ký - Biên bản nghiệm thu, bàn giao thiết bị (căn cứ hợp đồng số 297/HĐ-CĐCNNĐ), ngày 25/09/2013, Trưởng phòng QTVT đã ký
161			5.2.03		- Biên bản thanh lý hợp đồng (căn cứ hợp đồng số 411/HĐKT), ngày 15/11/2012, Hiệu Trưởng đã ký - Biên bản thanh lý hợp đồng (căn cứ hợp đồng số 297/HĐ-CĐCNNĐ), ngày 27/09/2013, Hiệu Trưởng đã ký
162			5.2.04		- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (căn cứ hợp đồng số 100/HĐMB), ngày 8/9/2011, Hiệu Trưởng đã ký - Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (căn cứ hợp đồng số 190/BBNTTL), ngày 03/11/2017, Hiệu Trưởng đã ký - Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (căn cứ hợp đồng số 86/BBNTTL), ngày 20/12/2019, Hiệu Trưởng đã ký
163			5.2.05		- Biên bản giao nhận tài sản cố định (Căn cứ quyết định số 1253/QĐ-CĐCNNĐ ngày 28/12/2018)
164			5.2.06	4.5.01	
165			5.2.07		- Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo các năm 2017, 2018, 2019
166		3	5.3.01	4.5.01	
167			5.3.02	5.2.06	
168			5.3.03		Quản lý sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản nhà trường
169			5.3.04		Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị hiện có của cơ sở Đào tạo theo Thông tư 06/2015/TT-BLĐTBXH ban hành danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia
170			5.3.05		Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo ( <i>Biên bản kiểm toán</i> )
171			5.3.06	2.1.14	
172			5.3.07		Kế hoạch lên lớp (TKB)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
173		4	5.4.01		Sơ đồ, hình ảnh bố trí các xưởng
174			5.4.02		Văn bản của cơ sở đào tạo 5S
175			5.4.03		Sổ giao ca
176		5	5.5.01		- Bảng định mức vật tư từng mô đun, môn học (Khoa)
177			5.5.02		- Quy chế chi tiêu nội bộ
178			5.5.03		- Bảng tổng hợp dự trữ vật tư tháng của phòng vật tư (căn cứ vào bảng tổng hợp dự trữ vật tư của khoa, phòng) - Bảng tổng hợp dự trữ vật tư của khoa theo tháng (căn cứ vào giấy xin lĩnh vật tư của từng giáo viên, giáo vụ khoa tổng hợp)
179		6	5.6.01		Sơ đồ mặt bằng thư viện
180			5.6.02		Bảng kê danh mục chương trình đào tạo
181			5.6.03		Bản in chương trình
182			5.6.04		Bản in giáo trình
183			5.6.05		Tổng hợp kiểm kê sách thư viện
184			5.6.06		Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ, mô hình
185			5.6.07		Kế hoạch sử dụng báo, tạp chí
186		7	5.7.01		- Quyết định số 238/ QĐ-CĐCNNĐ ngày 01/06/2020 V/v Thành lập trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông- Thư viện. Hiệu trưởng: Nguyễn Duy Phấn đã ký - Quyết định số 239/ QĐ-CĐCNNĐ ngày 01/06/2020 V/v Ban hành chức năng nhiệm vụ của trung tâm Tuyển sinh- Truyền thông- Thư viện. Hiệu trưởng: Nguyễn Duy Phấn đã ký
187			5.7.02	5.6.02	
188			5.7.03		Phần mềm thư viện điện tử <a href="http://lic.cnd.edu.vn">Http:// lic.cnd.edu.vn</a>
189		8	5.8.01		Giáo trình Thiết kế, giác sơ đồ trên máy tính sử dụng phần mềm Lectra của trường CĐCNNĐ
190	6	1	6.1.01		Kế hoạch số 744/KH-CĐCNNĐ ngày 11/8/2017 về việc tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” năm học 2017 – 2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
191			6.1.02		Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTĐ ngày 30/6/2017 Ban hành Quy chế công tác HSSV trong trường Trung cấp, Cao đẳng của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
192			6.1.03		Số 249/QĐ-CĐCNNĐ - CTHSSV, ngày 21/12/2017 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trường CĐCNNĐ của P.Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ
193			6.1.04		Quyết định số 105/ QĐ – CĐCNNĐ ngày 26/02/2018 ban hành Quy định đào tạo bậc Cao đẳng, Trung cấp theo phương thức niên chế của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ



Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
194			6.1.05		Các thông báo V/v triển khai sinh hoạt lớp trong các tháng của năm 2017, 2018, 2019, 2020 dành cho HSSV trường CĐCNĐ
195			6.1.06		Nội quy, quy định tại các phòng học: Phòng LT, xưởng may, Phòng Máy tính
196			6.1.07		Trang Web của nhà trường: <a href="http://cnd.edu.vn">http://cnd.edu.vn</a>
197	6	2	6.2.01		Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015
198			6.2.02	6.1.07	
199			6.2.03		Số 113/ TB - CTHSSV, Ngày 26/02/2019 V/v thực hiện miễn giảm học phí cho HSSV Học kỳ 2, năm học 2018 – 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ
200			6.2.04		Quyết định số 216/ QĐ – CĐCNĐ ngày 04/04/2018 V/v miễn giảm học phí HK I,II năm học 2017-2018 cho HSSV của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 1232/ QĐ – CĐCNĐ ngày 27/12/2018 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I năm học 2018 -2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 311/ QĐ – CĐCNĐ ngày 14/05/2019 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I năm học 2018 -2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 312/ QĐ – CĐCNĐ ngày 14/05/2019 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ II năm học 2018 -2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 971/ QĐ – CĐCNĐ ngày 27/11/2019 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I, II năm học 2019 -2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 75/ QĐ – CĐCNĐ ngày 24/02/2020 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I năm học 2019 -2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 759/ QĐ – CĐCNĐ ngày 14/09/2020 V/v miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I, II năm học 2019 -2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ;
201			6.2.05		Hồ sơ miễn giảm học phí của HSSV (đại diện) theo quy định chung của nhà nước
202			6.2.06		Quyết định số 235/ QĐ – CĐCNĐ ngày 12/04/2018 V/v công nhận SV bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2017 -2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 795/ QĐ – CĐCNĐ ngày 26/09/2018 V/v công nhận SV bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2017 -2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ; Quyết định số 164/ QĐ – CĐCNĐ ngày 14/03/2019 V/v công nhận SV bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2018 -2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNĐ;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định số 795/ QĐ – CĐCNNĐ ngày 03/10/2019 V/v công nhận SV bậc Cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2018 -2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ;
203			6.2.07		Quyết định số 1032/ QĐ – CĐCNNĐ ngày 14/11/2017 V/v trao học bổng tài trợ của các công ty TNHH Thép Nhật Quang; Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát; Công ty TNHH Enter.B và cựu sinh viên Ông Nguyễn Thanh Hải của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Quyết định số 1033/ QĐ – CĐCNNĐ ngày 14/11/2017 V/v trao học bổng tài trợ của các công ty cổ phần D&J; CTCP may Nam Hà của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
204			6.2.08	1.2.02	
205	6	3	6.3.01		Số 763/QĐ - CĐCNNĐ ngày 17/08/2017 V/v ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
206			6.3.02		Thông báo tuyển dụng của các công ty và danh sách các công ty có nhu cầu tuyển dụng lao động là HSSV của trường CĐCNNĐ
207			6.3.03		Số 371/KH - CĐCNNĐ - TTHTĐT ngày 07/06/2018 Kế hoạch tổ chức " Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp - năm 2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 354/KH - CĐCNNĐ - TTHTĐT ngày 28/05/2019 Kế hoạch tổ chức " Ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp - năm 2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
208			6.3.04		Số 835/KH - CĐCNNĐ - TTHTĐT ngày 05/09/2017 Kế hoạch tổ chức cho HSSV tham quan thực tế tại doanh nghiệp của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Thông báo ngày 21/06/2018 V/v cử cán bộ, giảng viên, HSSV đi thăm quan doanh nghiệp của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
209	6	4	6.4.01		Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp ngày 27/2/2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
210			6.4.02	4.5.01	
211			6.4.03		Số 121 /KH - ĐTN, ngày 10/10/2018 Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt nam 20/11/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 943 /KH - CĐCNNĐ, ngày 12/11/2019 Kế hoạch kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt nam 20/11 và Tổ chức Lễ Khai giảng năm học 2019 – 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 123 /KH - ĐTN, ngày 05/03/2019 Kế hoạch tổ chức hoạt động kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/03/1931 - 26/03/ 2019) của BCH Đoàn trường; Số 196 /KH - CĐCNNĐ, ngày 15/05/2020 Kế hoạch Tổ chức Hội thao và giải bóng đá HSSV năm 2020 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
212			6.4.04		Số 930 /KH - CĐCNNĐ, ngày 31/10/2018 Kế hoạch Ngày hội hiến máu nhân đạo năm 2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Số 931 /KH - CĐCNNĐ, ngày 31/10/2018 Kế hoạch Giáo dục sức khỏe giới tính nữ HSSV năm 2018-2019 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
213.			6.4.05		Số 1054/KH - CĐCNNĐ - TTĐT, ngày 23/11/2017 Kế hoạch Tổ chức Hướng dẫn kỹ năng lái xe an toàn của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 26/KH - CĐCNNĐ - TTĐT, ngày 04/05/2019 Kế hoạch Tổ chức Hướng dẫn kỹ năng lái xe an toàn của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 907/KH - CĐCNNĐ - TTĐT, ngày 5/11/2019 Kế hoạch Tổ chức Hướng dẫn kỹ năng lái xe an toàn của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
214.			6.4.06		Số 280/QĐ/PCCC- CĐCNNĐ ngày 06/05/2019 V/v Ban hành Quy định về phòng cháy và chữa cháy của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ;
215.			6.4.07		Số 187 /KH - CĐCNNĐ, ngày 22/03/2017 Kế hoạch Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; QĐ vv thành lập lớp tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở năm 2017 số 188/QĐ-CĐCNNĐ ngày 22/3/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Số 944 /KH - CĐCNNĐ, ngày 12/10/2017 Kế hoạch Tổ chức các hoạt động hưởng ứng " Ngày toàn dân PCCC' và " Tháng an toàn PCCC' năm 2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; Bảng tổng hợp hiện trạng các bình cứu hỏa của các tòa nhà của phòng QTVT trường CĐCNNĐ.
216.			6.4.08	1.2.01	
217.	7	1	7.1.01		* Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp: - Năm 2018: ngày 7 tháng 6 năm 2018, của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ; - Năm 2019: ngày 28 tháng 5 năm 2019 của P. Hiệu trưởng phụ trách trường CĐCNNĐ;
218.			7.1.02		Phiếu lấy ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động
219.		2	7.2.01		Phiếu điều tra lân vết của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động
220.			7.2.02		- Quyết định Về việc công nhận và xếp loại tốt nghiệp cho sinh viên Cao đẳng khóa 58, ngày 30 tháng 12 năm 2019 Hiệu trưởng đã ký
221.		3	7.3.01		Thông báo của phòng QLKH&ĐBCL số 08/TB-QLKH&ĐBCL ngày 23/8/2019. V/v kiểm tra về việc thực hiện các qui định trong giảng dạy
222.			7.3.02		- Kế hoạch số: 1031/KH-CĐCNNĐ ngày 28/11/2018. V/v Triển khai đánh giá phân loại công chức, viên chức năm 2018 - Quyết định số: 60/QĐ-CĐCNNĐ ngày 17/01/2019 V/v đánh giá xếp loại công chức, viên chức năm 2018 - Bảng kết quả đánh giá xếp loại công chức, viên chức năm 2018 - Kế hoạch số: 986/KH-CĐCNNĐ ngày 04/12/2019 V/v Triển khai đánh giá phân loại công chức, viên chức năm 2019 - Quyết định số: 69/QĐ-CĐCNNĐ ngày 14/02/2020 V/v đánh giá xếp loại công chức, viên chức năm 2019

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC dùng chung cho tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Bảng kết quả đánh giá xếp loại công chức, viên chức năm 2019
223		4	7.4.01		-Quyết định về việc Qui định khảo sát HSSV về hoạt động giảng dạy của giảng viên ngày 6/6/2013
224			7.4.02		- Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của học sinh sinh viên về hoạt động giảng dạy của giáo viên - Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên CD59MF1 về hoạt động giảng dạy của giáo viên Phạm Lan Phương ngày 2/1/2020 - Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên CD60MF về hoạt động giảng dạy của giáo viên Trần Thị Thanh Thủy ngày 2/1/2020 - Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên CD60TT về hoạt động giảng dạy của giáo viên Trần Thụy Liên ngày 15/1/2020 - Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên CD59MF1 về hoạt động giảng dạy của giáo viên Trần Thị Hoàng Thủy, Phan Thị Thu Hoài ngày 28/9/2020 - Phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên CD59MF2 về hoạt động giảng dạy của giáo viên Lã Thị Duyên ngày 7/1/2020
225			7.4.03	2.1.14	
226			7.4.04		- Báo cáo tổng kết khảo sát thăm dò ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I (2019-2020) ngày 15/3/2020
227		5	7.5.01		- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020 ngày 10/6/2020
228			7.5.02		- Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ cao đẳng năm 2020 ngày 20/7/2020
229			7.5.03		- Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018 ngày 4/12/2018 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018 ngày 25/12/2019
230		6	7.6.01		- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao Đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2018 ngày 15/6/2018 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao Đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019 ngày 31/7/2019 - Kế hoạch tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao Đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2020 ngày 17/8/2020
231			7.6.02		- Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018 tháng 12/2018 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018 tháng 12/2019
232		7	7.7.01	7.2.02	
233			7.7.02	7.1.01	
234		8	7.8.01	7.1.02	